

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2 – PECC2

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103008270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/10/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 03/06/2009)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Trụ sở Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Điện 2 (PECC2):
32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam:
Trụ sở: Tầng 3, 59 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Chi nhánh: Số 09 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Triệu Văn Môn Chức vụ: Thư ký Công ty

Số điện thoại: (08) 222 10 620 Fax: (08) 222 10 408

- Email : info@pecc2.com
- Website : <http://www.pecc2.com>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2 - PECC2

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103008270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/10/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 03/06/2009)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Điện 2
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá	: 10.000 đồng.
Tổng số lượng niêm yết	: 4.439.000 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	: 44.390.000.000 đồng

❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN & TƯ VẤN UHY

Trụ sở : Tầng 5 – 6, số 136 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam .

Điện thoại: (84 – 4) 755 7446 Fax: (84 –4) 755 7448

Website: www.uhyvietnam.com.vn

❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3944 5888

Fax: (84-4) 3944 5999

Chi nhánh: Số 09 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3915 2930

Fax: (08) 3930 2325

Website: www.vise.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO:	5
1. Rủi ro về kinh tế:	5
2. Rủi ro về luật pháp:.....	5
3. Rủi ro đặc thù:	6
4. Các rủi ro khác:.....	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH:	7
1. Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2)	7
2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam.....	7
III. CÁC TỪ VIẾT TẮT:	7
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT:	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	8
2. Cơ cấu tổ chức công ty:	15
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty:.....	17
4. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 đến thời điểm 10/06/2009:	19
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của PECC2, những Công ty mà PECC2 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với PECC2:.....	20
6. Hoạt động kinh doanh:.....	21
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm gần nhất:.....	33
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:.....	36
9. Chính sách đối với người lao động:.....	39
10. Chính sách cổ tức:.....	40
11. Tình hình hoạt động tài chính:.....	41
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng:.....	45
13. Tài sản:	55
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty từ năm 2009 - 2011:56	
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:	59
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:...59	
17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng:	59
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT:	60
1. Loại chứng khoán:	60
2. Mệnh giá:	60

3.	Tổng số chứng khoán niêm yết:.....	60
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:.....	60
5.	Phương pháp tính giá:.....	62
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:.....	62
7.	Các loại thuế có liên quan:.....	62
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT:	63
1.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:	63
2.	TỔ CHỨC TƯ VẤN:	63
VII.	PHỤ LỤC:	63
1.	Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	63
2.	Phụ lục II : Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết	63
3.	Phụ lục III : Biên bản xác định giá trị tài sản khi cổ phần hóa.....	63
4.	Phụ lục IV : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006, 2007, 2008 và Quý 1/2009	63
5.	Phụ lục V : Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 thông qua việc niêm yết cổ phiếu.....	63
6.	Phụ lục VI : Quy trình nội bộ về công bố thông tin	63
7.	Phụ lục VII : Quy chế quản trị Công ty	63

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO:

1. Rủi ro về kinh tế:

Kinh tế tăng trưởng là nhân tố quan trọng thúc đẩy tốc độ phát triển của các ngành nghề đặc biệt là ngành điện và tư vấn xây dựng điện luôn phải đi trước một bước.

Trong giai đoạn các năm 2002-2007, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định với mức tăng trưởng GDP trung bình từ 7,7 – 8,48%/năm. Tuy nhiên trong năm 2008, nền kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam đã bộc lộ những khó khăn nhất định. Kinh tế thế giới trong năm 2008 đang chứng kiến các dấu hiệu suy thoái của nền kinh tế Mỹ, sự biến động trong hệ thống tài chính toàn cầu, sự bất ổn của giá dầu và dấu hiệu của cuộc khủng hoảng lương thực trên toàn cầu... Đối với Việt Nam, nền kinh tế đã có độ mở nhất định đối với nền kinh tế thế giới. Vì vậy, những biến động kinh tế mạnh trong hệ thống toàn cầu đã và đang tác động đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, từ đó cũng gây những tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh của phần lớn các doanh nghiệp.

Theo Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Việt Nam, mặc dù tốc độ tăng GDP năm 2008 là 6,23%, thấp hơn 2,25% so với năm 2007 và thấp hơn 0,77% so với kế hoạch điều chỉnh nhưng trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu, Việt Nam đạt được tốc độ tăng như vậy cũng là một thành tựu lớn, tạo điều kiện thuận lợi để giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội¹. Trong năm 2009, dự báo nền kinh tế thế giới và kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, tuy nhiên sẽ từng bước phục hồi. Mục tiêu tăng trưởng GDP đề ra cho năm 2009 là 5,5%².

Mặc dù còn nhiều khó khăn trong ngắn hạn, tuy nhiên về dài hạn, kinh tế Việt Nam vẫn hứa hẹn có những bước tiến mạnh mẽ.

2. Rủi ro về luật pháp:

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần nên hoạt động của công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán bao gồm luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và các văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về mặt chính sách là hoàn toàn có thể xảy ra và khi đó sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của công ty. Công ty có đội ngũ nhân viên pháp chế có trình độ chuyên môn cao để tư vấn cho ban lãnh đạo về luật pháp có liên quan đến hoạt động tư vấn của Công ty. Khi có sự thay đổi về pháp luật mà có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì đội ngũ pháp chế nhanh chóng cập nhật thông tin báo cáo cho ban lãnh đạo Công ty biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

¹ Nguồn <http://www.laodong.com.vn> ngày 31/12/2008

² Nguồn: www.gso.gov.vn

3. Nguồn: www.thesaigontime.vn

3. Rủi ro đặc thù:

- Rủi ro cạnh tranh:

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu xây dựng nhà máy điện ngày càng nhiều với những công trình có quy mô lớn, nhu cầu về tư vấn ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Do đó sự cạnh tranh giữa các tổ chức tư vấn điện trong nước ngày càng tăng, quyết liệt hơn.

Từ một công ty có vốn 100% của nhà nước, nay chuyển sang cơ chế cổ phần, Công ty phải đối mặt với những thay đổi lớn về thị trường cũng như thị phần hoạt động. Ban đầu theo hình thức nhận giao thầu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, nay Công ty phải cạnh tranh bình đẳng theo sự thay đổi Luật đấu thầu đối với các công ty tư vấn điện trong nước và các tập đoàn kinh tế trong nước khác có khả năng cung cấp dịch vụ tư vấn điện.

Nguy cơ rủi ro cạnh tranh càng cao cùng với sự gia nhập của Việt Nam vào WTO. Sự hội nhập này tạo điều kiện cho các công ty nước ngoài có thương hiệu, công nghệ kỹ thuật cao đầu tư vào Việt Nam và do vậy tạo một sự cạnh tranh khốc liệt giữa các Công ty tư vấn xây dựng điện trong nước với các công ty tư vấn điện nước ngoài.

- Rủi ro nguồn nhân lực:

Đối với những hoạt động trong lĩnh vực tư vấn nói chung và tư vấn điện nói riêng, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về chảy máu chất xám là một trong những rủi ro rất lớn đối với những doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Khi gia nhập vào nền kinh tế thế giới những nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu thế giới sẽ tham gia vào thị trường tư vấn điện tại Việt Nam. Những công ty đó có lợi thế về trình độ nhân sự, kinh nghiệm làm những công trình lớn với công nghệ tiên tiến. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo cán bộ để duy trì nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao của Công ty.

- Rủi ro nguồn vốn:

Vấn đề nguồn vốn là một thử thách lớn đối với Công ty trong giai đoạn thị trường hiện nay. Một trong những trở ngại lớn nhất là Công ty hoạt động trong lĩnh vực khảo sát, thiết kế - là giai đoạn đầu của công tác đầu tư xây dựng phát triển các dự án nguồn và lưới điện. Do đó, Công ty có thể chịu rủi ro về việc chậm thanh toán chi phí tư vấn do các chủ đầu tư chưa sắp xếp được vốn cho dự án. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đưa ra các kế hoạch làm việc với các đối tác, thảo luận cụ thể về tiến độ thanh toán và các biện pháp đảm bảo tiến độ dự án để tránh việc thanh toán kéo dài.

Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm cả phần vốn của EVN được tạm ghi nhận từ trước khi cổ phần hóa, hiện đang chờ các cơ quan có thẩm quyền và Công ty thống nhất làm thủ tục quyết toán, bàn giao tài sản và vốn cho Công ty.

4. Các rủi ro khác:

Bên cạnh những rủi ro chính nêu trên, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu tác động bởi những rủi ro đặc biệt khác là: thiên tai (hạn hán, bão lũ), hỏa hoạn, chiến tranh, thời tiết.. có thể ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Đến thời điểm này, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 chưa nhận được Quyết định xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, ngày 04/06/2009, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có Công văn số 2276/EVN-TCKT xác nhận thời điểm trong Quý 3/2009 sẽ hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa và bàn giao vốn cho Công ty cổ phần. Đồng thời, công văn này cũng nêu rõ

công tác quyết toán cổ phần hóa không làm ảnh hưởng tới Vốn điều lệ 44,39 tỷ đồng đã được xác định trong phương án cổ phần hóa của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH:

1. Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2)

Ông: Trương Khắc Len	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Tài Anh	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Ông: Lương Văn Đài	Chức vụ: Thành viên HĐQT
Ông: Phạm Văn Thảo	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông: Nguyễn Trọng Nam	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông: Nguyễn Mạnh Hùng	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Bà: Hoàng Quý Phi	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: Nguyễn Quốc Long	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Ông: **Phạm Linh**


Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 cung cấp.

III. CÁC TỪ VIẾT TẮT:

- Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
- Công ty : Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
- PECC 2 : Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2
- Tổ chức tư vấn : Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam.
- VIS : Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- VND : Việt Nam đồng
- BCTC : Báo cáo tài chính

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT:**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:****1.1 Giới thiệu về công ty:**

- Tên giao dịch tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
- Tên giao dịch tiếng Anh : POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 2
- Tên Công ty viết tắt : PECC 2
- Logo công ty : 
- Vốn điều lệ : 44.390.000.000 đồng (Bốn mươi bốn tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng chẵn).
- Trụ sở chính : 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (08) 222 10 620 Fax: (08) 222 10 408
- Email : info@pecc2.com
- Website : www.pecc2.com
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:
 - + Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, viễn thông, các công trình công nghiệp, thủy lợi, giao thông, công trình ngầm, cơ sở hạ tầng và dân dụng khác...; bao gồm:
 - √ Khảo sát địa hình, địa chất, khí tượng thủy văn, khảo sát biển để phục vụ thiết kế các giai đoạn và thực hiện các công việc liên quan khác.
 - √ Lập quy hoạch, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật.
 - √ Thiết kế xây dựng công trình.
 - √ Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình.
 - √ Lập Hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu, cung cấp dịch vụ tư vấn thi công xây dựng, cung cấp vật tư thiết bị, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng.
 - √ Giám sát công tác khảo sát; giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị.
 - √ Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra di dân tái định canh, định cư.
 - √ Tư vấn quản lý dự án.
 - √ Lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng.
 - √ Khoan phụt chống thấm, xử lý và gia cố nền móng công trình.

- √ Kiểm định chất lượng xây dựng công trình và các dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng.
- √ Khoan thăm dò và khảo sát kỹ thuật khai thác nước ngầm, tinh chế, lọc nước phục vụ sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- + Đầu tư xây dựng công trình nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.
- + Xây lắp đường dây và trạm điện từ 35 kV trở xuống, nhà máy thủy điện nhỏ.
- + Thiết kế, chế tạo thiết bị cơ khí.
- + Sản xuất phụ kiện, dụng cụ chuyên ngành điện, gia công chế tạo và thử nghiệm cột điện các loại.
- + Mạ kẽm nhúng nóng cột điện thép, phụ kiện điện và các sản phẩm kim loại.
- + Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị điện lực, công nghiệp và dân dụng.
- + Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản.
- + Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

1.2 Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty được thành lập năm 1985 trên cơ sở sát nhập một số đơn vị của Bộ Năng lượng để tập hợp một đội ngũ đông đảo những cán bộ kỹ thuật giỏi và công nhân lành nghề có năng lực đảm đương việc khảo sát, thiết kế các công trình nguồn và lưới điện lớn tại các tỉnh phía Nam với tên gọi là Công ty Khảo sát Thiết kế Điện 2 (PIDC2).

Ngày 11/01/1999, Công ty Khảo sát Thiết kế Điện 2 (PIDC2) được đổi tên thành Công ty Tư vấn xây dựng Điện 2 (PECC2) theo Quyết định số 02/1999/QĐ-BCN ngày 11/01/1999 của Bộ Trưởng Bộ Công nghiệp. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là khảo sát, thiết kế, giám sát thi công và quản lý xây dựng các công trình điện và công nghiệp dân dụng khác; chế tạo các trụ điện bằng thép phục vụ ngành điện và viễn thông; đầu tư xây dựng các dự án.

Căn cứ theo Quyết định số 338/QĐ-BCN ngày 26/01/2007 của Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2, kể từ ngày 01/11/2007, Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2).

1.3 Những thành tích đạt được:

Với những thành tích đã đạt được, Công ty đã được trao tặng các huân chương và danh hiệu:

- 01 Huân chương Độc lập Hạng ba.



- 02 Huân chương Lao động Hạng nhất:



- 03 Huân chương Lao động Hạng nhì.
- 03 Huân chương Lao động Hạng ba và nhiều bằng khen của Chính phủ, Bộ, chính quyền địa phương và các huân chương cho cá nhân.

Sự vươn lên không ngừng và thành quả đạt được của Công ty gắn liền với hàng chục công trình nguồn điện (nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và hàng trăm công trình lưới điện (đường dây tải điện và trạm biến áp) đã đưa vào vận hành, đang thi công và đang chuẩn bị khởi công xây dựng. Trong đó, các công trình tiêu biểu là: thủy điện Trị An, Hàm Thuận – Đa Mi, Đại Ninh, A Vương, Buôn Kuốp, Srêpok 3, Hạ Sê San 1/5; các công trình nhiệt điện tại Trung tâm Điện lực Phú Mỹ, Ô Môn, Cà Mau, Nhơn Trạch, Vĩnh Tân, Duyên Hải và Kiên Lương; đường dây 500KV Phú Mỹ - Nhà Bè – Phú Lâm, 500KV Bắc Nam, 500KV Sơn La - Hiệp Hòa, 500KV Đà Nẵng – Hà Tĩnh, 500KV Sông Mây – Tân Định, cáp ngầm 200KV Nhà Bè – Tao Đàn; trạm biến áp 500/220KV Nhà Bè, trạm biến áp 500KV Tân Định, trạm biến áp 500KV Ô Môn, trạm biến áp 500KV Cầu Bông, trạm GIS 220KV Tao Đàn...

Một số công trình Thủy điện lớn điển hình Công ty thực hiện:

Stt	Dự án thủy điện	Chủ đầu tư	Công suất (MW)	Địa điểm	Nội dung công việc thực hiện						Ghi chú
					A	B	C	D	E	G	
1	Trị An	EVN	400	Đồng Nai		✓	✓				Vận hành năm 1989
2	Thác Mơ	EVN	150	Bình Phước		✓	✓	✓			Vận hành năm 1994
3	Hàm Thuận	EVN	300	Bình Thuận		✓	✓		✓		Vận hành năm 2001
4	Đa Mi	EVN	175	Bình Thuận		✓	✓		✓		Vận hành năm 2001
5	A Vương	EVN	210	Quảng Nam		✓	✓	✓			Vận hành năm 2008
6	Buôn Kuốp	EVN	280	Đắk Lắk		✓	✓	✓			Vận hành năm 2008
7	Srêpôk 3	EVN	220	Đắk Lắk		✓	✓				Vận hành năm 2009
8	Đồng Nai 3	EVN	180	Lâm Đồng - Đắk Nông		✓	✓	✓			Vận hành năm 2010
9	Đồng Nai 4	EVN	340	Lâm Đồng - Đắk Nông		✓	✓	✓			Vận hành năm 2011
10	Đồng Nai 5	TKV	150	Lâm Đồng & Đắk Lắk		✓	✓	✓			Đang lập báo cáo luận chứng kinh tế kỹ thuật
11	Đồng Nai 8	EVN	195	Đồng Nai & Lâm Đồng		✓					
12	Đại Ninh	EVN	300	Lâm Đồng & Bình Thuận		✓	✓		✓		Vận hành năm 2007
13	Đăk Mi 4A	IDICO	148	Quảng Nam		✓	✓	✓			Vận hành năm 2010
14	Sông Tranh 2	EVN	190	Quảng Nam						✓	Vận hành năm 2010
15	Bản Chát	EVN	220	Lai Châu						✓	Vận hành năm 2011
16	Huội Quảng	EVN	520	Lai Châu						✓	Vận hành năm 2012
17	Qui hoạch thủy điện sông Srêpôk	EVN	552	Đắk Lắk	✓						Hoàn thành năm 1998
18	Qui hoạch thủy điện sông Trà Khúc	EVN	200	Quảng Ngãi	✓						Hoàn thành năm 2003
19	Qui hoạch thủy điện sông Đồng Nai	EVN	1437	Đồng Nai, Bình Phước, Lâm Đồng	✓						Hoàn thành năm 2000

					Nội dung công việc thực hiện							
20	Quy hoạch thủy điện sông Chơ Long & Tê Campuchia	LILAMA 18	90	Campuchia	✓	✓						Hoàn thành năm 2008

Nguồn: PECC2

Ghi chú: (A) = Quy hoạch ; (B) = Nghiên cứu Tiền khả thi & Nghiên cứu Khả thi/ Dự án Đầu tư Xây dựng; (C) = Thiết kế Kỹ thuật & Hồ sơ Mời thầu; (D) = Thiết kế Bản vẽ Thi công & Giám sát Thi công ; (E) = Tư vấn Giám sát ; (G) = Thẩm định Thiết kế Kỹ thuật.

Các dự án nhiệt điện lớn điển hình Công ty đã thực hiện:

Stt	Dự án Nhiệt điện	Chủ đầu tư	Công suất (MW)	Địa điểm	Nội dung công việc						Ghi chú
					A	B	C	D	E	G	
1	Quy hoạch chi tiết Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	EVN	4400	Bình Thuận	✓						Hoàn thành 2007
2	Quy hoạch chi tiết Trung tâm Điện lực Sơn Mỹ	MOIT	2400	Bình Thuận	✓						Đang triển khai
3	Quy hoạch chi tiết Trung tâm Điện lực Phú Mỹ	EVN	3900	Bà Rịa-Vũng Tàu	✓						Hoàn thành 1996
4	Quy hoạch chi tiết Trung tâm Điện lực Ô Môn	EVN	2800	Cần Thơ	✓						2003 -2008
5	Quy hoạch chi tiết Trung tâm điện lực Duyên Hải	EVN	4400	Trà Vinh	✓						2007
6	Quy hoạch chi tiết Trung tâm Điện lực Kiên Lương	Tân Tạo	4400	Kiên Giang	✓						Hoàn thành 2008
7	Nhà máy điện than Vĩnh Tân 1	CSGCPI TKV	1200	Bình Thuận		✓					Vận hành 2013
8	Nhà máy điện Phú Mỹ 1	EVN	1090	BR-VT		✓	✓		✓		Vận hành 2002

Nguồn: PECC2

Ghi chú: (A) = Quy hoạch ; (B) = Nghiên cứu Tiền khả thi & Nghiên cứu Khả thi/ / Dự án Đầu tư Xây dựng; (C) = Thiết kế Kỹ thuật & Hồ sơ Mời thầu; (D) = Thiết kế Bản vẽ Thi công & Giám sát Thi công ; (E) = Tư vấn Giám sát ; (G) = Thẩm định Thiết kế Kỹ thuật

Ngoài ra, PECC2 còn tham gia rất nhiều công trình thiết kế thi công đường dây trung, hạ thế, trạm biến áp điện và xử lý nền móng công trình thủy điện có quy mô lớn khác.

Hình ảnh một số công trình lớn Công ty đã thực hiện:



Đập thủy điện Hàm Thuận cao 94 m, cao thứ hai tại Việt Nam



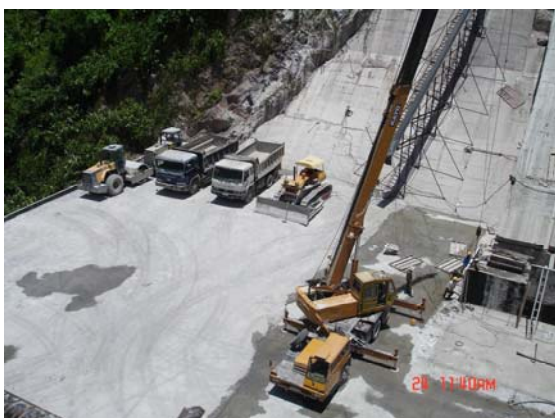
Nhà máy thủy điện Trị An 4x100MW – Công trình lớn đầu tiên ở Miền Nam Việt Nam



Đập tràn nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đami (475MW)



Nhà máy thủy điện Thác Mơ, 2x75MW



Nhà máy thủy điện A Vương, 2x105MW, Đập RCC cao 80m đầu tiên của Việt Nam



Nhà máy thủy điện Đại Ninh, 2x150MW



Nhà máy thủy điện Đồng Nai 4, 2x170MW, H=177m. Đập RCC cao thứ 4 của Việt Nam (Đang thi công hồ móng đập RCC)



Thủy điện Đồng Nai 3, H=108m. Một trong 5 Đập RCC cao trên 100m của Việt Nam (Dọn nền để chuẩn bị đổ Bê tông RCC)



Đường dây 500kV Đà Nẵng – Hà Tĩnh



Trạm biến áp Nhà Bè



Dự án Nhà máy điện Cà Mau – PECC2 phối hợp với Poyry làm tư vấn cho dự án. Chủ đầu tư là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam



Dự án Phú Mỹ 2-1, dự án TBKHH cỡ lớn đầu tiên tại miền Nam Việt Nam. PECC2 cùng với ESBI làm tư vấn cho dự án này



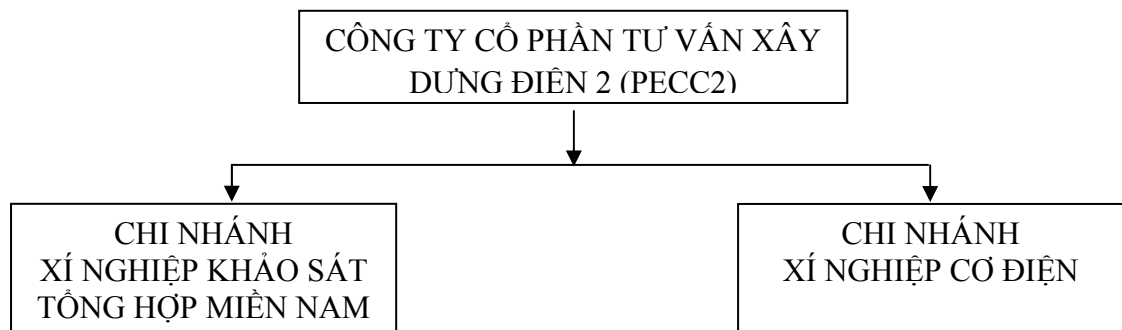
Nhà máy điện Phú Mỹ 4 – Công suất 450MW. PECC2 lần đầu tiên là tư vấn chính cho dự án TBKHH



Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân, quy mô 4 400 MW. PECC2 lập Quy hoạch & và làm tư vấn cho nhà máy điện Vĩnh Tân 1 và Vĩnh Tân 2.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty:

Cơ cấu tổ chức Công ty gồm Văn phòng công ty và hai chi nhánh trực thuộc (Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam và Chi nhánh Xí nghiệp Cơ điện) theo sơ đồ sau:



2.1 Chi Nhánh - Xí nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền nam:

Trụ sở: 45 Dân Chủ, Phường Bình Thới, Quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh.

Xí nghiệp Khảo sát Tổng hợp Miền Nam là đơn vị hạch toán kế toán phụ thuộc của PECC2 và có các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; thực hiện công tác quản lý toàn diện Xí nghiệp theo phân cấp đảm bảo các chỉ tiêu tài chính theo kế hoạch được duyệt;
- Cùng với Công ty chủ động tìm thêm việc làm cho Xí nghiệp;
- Tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn về khảo sát theo kế hoạch được giao đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn;

- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác do lãnh đạo Công ty giao.

2.2 2.2 Chi Nhánh - Xí nghiệp cơ điện:

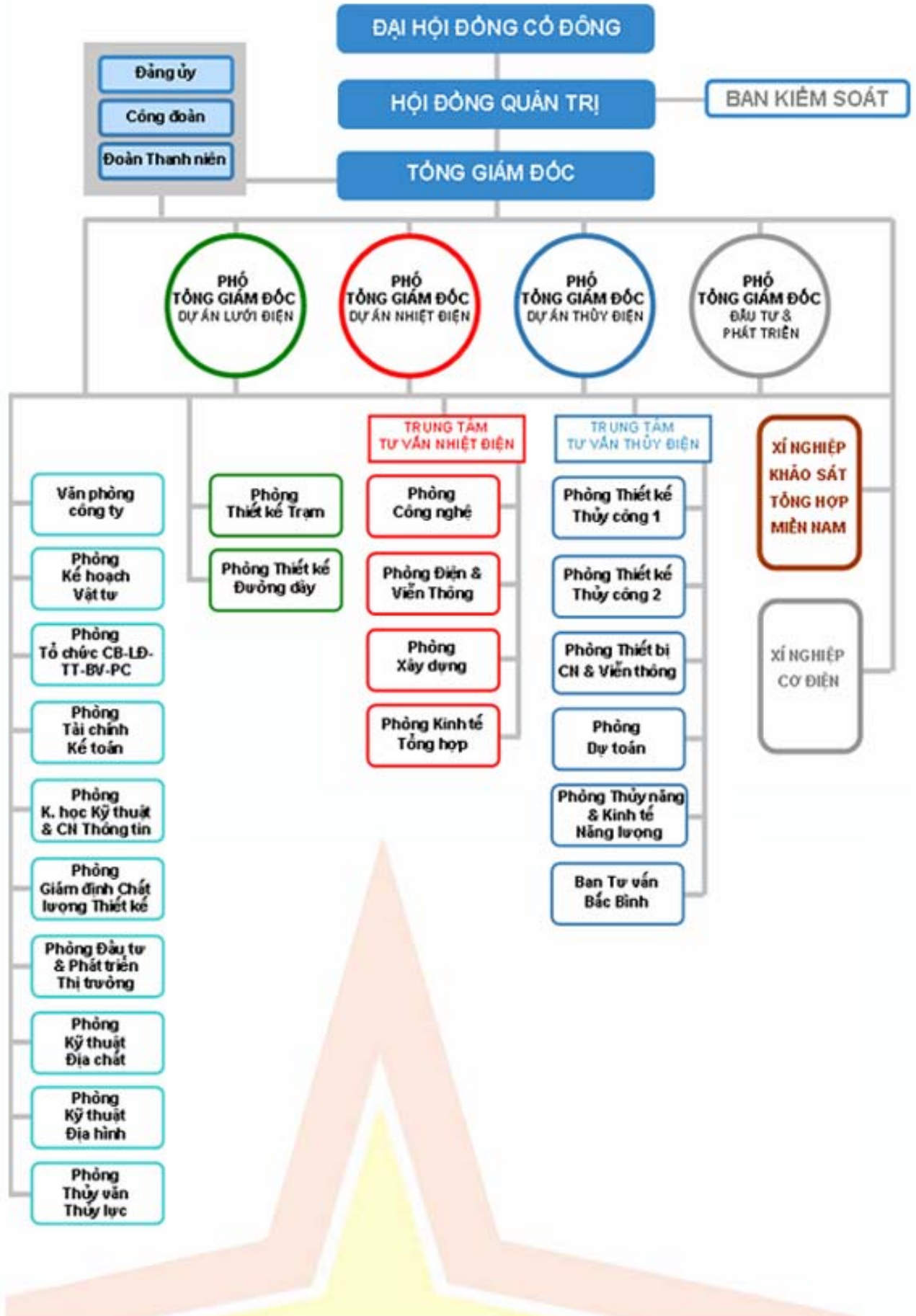
Trụ sở: Khu phố 8, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh.

Xí nghiệp Cơ điện là đơn vị hạch toán kế toán phụ thuộc của PECC2 và có các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; thực hiện công tác quản lý toàn diện Xí nghiệp theo phân cấp đảm bảo các chỉ tiêu tài chính theo kế hoạch được duyệt;
- Chủ động tìm việc làm;
- Tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn về cơ khí theo kế hoạch được giao đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn;
- Thực hiện các nhiệm vụ liên quan khác do lãnh đạo Công ty giao.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý



3.1 Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường, ít nhất mỗi năm họp một lần.

3.2 Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ đại hội (theo điều lệ Công ty quy định).
- Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên; nhiệm kỳ là 05 năm (2007 - 2012).

1. Ông Trương Khắc Len : Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Nguyễn Tài Anh : Thành viên HĐQT
3. Ông Lương Văn Đài : Thành viên HĐQT
4. Ông Phạm Văn Thảo : Thành viên HĐQT
5. Ông Nguyễn Trọng Nam : Thành viên HĐQT

3.3 Ban Tổng giám đốc:

- Ban Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị Công ty và Đại hội đồng cổ đông thông qua (quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ công ty).
- Ban Tổng giám đốc của Công ty hiện nay gồm Tổng giám đốc và 03 Phó Tổng giám đốc:

1. Ông Nguyễn Tài Anh : Tổng giám đốc
3. Ông Phạm Văn Thảo : Phó Tổng giám đốc
4. Ông Nguyễn Mạnh Hùng : Phó Tổng giám đốc
2. Ông Nguyễn Trọng Nam : Phó Tổng giám đốc

3.4 Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại Ban kiểm soát có 3 (ba) thành viên; nhiệm kỳ là 5 (năm) năm (2007 - 2012).

1. Ông Nguyễn Quốc Long : Trưởng ban
2. Bà Trần Thị Hòa : Thành viên
3. Bà Hoàng Thụy Hoài Yến : Thành viên

3.5 Kế toán trưởng:

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty. Thực hiện các công việc theo ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty.

Bà Hoàng Quý Phi

4. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 đến thời điểm 10/06/2009:

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	Số 18, Phố Trần Nguyên Hãn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.275.490	51,26
	Tổng cộng		2.275.490	51,26

Nguồn: PECC2

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Đại diện: - Trương Khắc Len - Nguyễn Tài Anh - Lương Văn Đài	Số 18, Phố Trần Nguyên Hãn, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội - 87/2 A Nguyễn Đình Chính, P.15, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM - 781/A22 Lê Hồng Phong,P.12, Q.10, TP.HCM - 16 Ngách 176/10 Ngõ 176 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.	2.275.490 910.196 682.647 682.647	51,26 20,5 15,38 15,38
2	Phạm Văn Thảo	254/32 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh	2.700	0,06
3	Nguyễn Trọng Nam	86/25 Trương Quyền, Phường 6, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.	1.500	0,03
	Tổng cộng		2.279.690	51,35

Nguồn: PECC2

4.3 Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 10/06/2009.

Stt	Cơ cấu	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ trên vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước	2.275.490	51,26
2	Cổ đông chủ chốt (HDQT, BGD, BKS, KTT)	54.500	1,23
3	Cổ đông trong Công ty	928.858	20,92
	Cổ phiếu quỹ	0	0
	Cán bộ công nhân viên	928.858	20,92
4	Cổ đông ngoài Công ty	1.180.152	26,59
	Cá nhân trong nước	1.053.152	23,72
	Tổ chức trong nước	120.000	2,7
	Cá nhân nước ngoài	7.000	0,16
	Tổ chức nước ngoài	0	0
	Tổng cộng	4.439.000	100

Nguồn: PECC2

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của PECC2, những Công ty mà PECC2 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với PECC2:

5.1 Danh sách Công ty mẹ và Công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối đối với PECC2:

Hiện nay, Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm cổ phần chi phối của Công ty với số cổ phần là: 2.275.490 cổ phần tương đương 51,26% vốn điều lệ.

5.2 Danh sách Công ty con, những Công ty do PECC2 nắm quyền kiểm soát, chi phối:

- Không có

6. Hoạt động kinh doanh:

6.1 Giá trị dịch vụ qua các năm:

Cơ cấu doanh thu của Công ty từ năm 2006 – quý I/2009:

Đơn vị tính: Triệu đồng,%

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008		31/03/2009	
		Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)
I	Doanh thu sản xuất chính	260.594	98,56	282.727	98,84	324.295	98,29	20.407	95,93
	<i>Khảo sát, thiết kế</i>	197.279	74,62	206.925	72,34	265.688	80,53	10.711	50,35
	<i>Sản xuất sản phẩm cơ khí, mạ kẽm, bê tông</i>	63.315	23,95	75.802	26,50	58.607	17,76	9.696	45,58
II	Doanh thu hoạt động tài chính	3.584	1,36	3.166	1,11	3.343	1,01	847	3,98
III	Thu nhập khác	217	0,08	152	0,05	2.298	0,70	20	0,09
	Tổng cộng	264.395	100	286.045	100	329.936	100	21.274	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, năm 2007, 2008 và Quý I/2009 của PECC2

Doanh thu của Công ty liên tục tăng lên trong ba năm qua, từ năm 2006-2008. Tư vấn khảo sát, thiết kế là mảng hoạt động mang lại doanh thu chính cho PECC2.

Doanh thu của PECC2 thường tập trung vào thời điểm cuối năm khi thanh toán các hợp đồng cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Ghi chú: Từ ngày 01/11/2007 trở đi, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, kết quả kinh doanh giai đoạn 01/11/2007 đến 31/12/2007 thuộc về Công ty Cổ phần.

6.2 Nguyên vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của các nguồn cung cấp này:

Nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là xi măng, sắt, thép để phục vụ nhu cầu sản xuất sản phẩm cơ khí, mạ kẽm, bê tông của xí nghiệp cơ điện. Đây là những nguyên vật liệu luôn có nhiều nhà cung cấp lớn với giá cả cạnh tranh.

Công ty luôn chọn ký hợp đồng với các nhà cung cấp đủ khả năng cung cấp nguyên vật liệu với khối lượng và chất lượng theo yêu cầu và giá cả cạnh tranh nhất. Từ đó công ty có thể

chủ động nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong mỗi năm và hạn chế được rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường.

Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu tiêu biểu của Công ty:

- + Đối với sắt, thép: Công ty có các đối tác cung cấp như: Công ty Đầu tư – Thương mại SMC, Nhà máy Quy Chế II, Công ty TNHH King'Grating...
- + Đối với xi măng: Công ty có các đối tác cung cấp như: Xí nghiệp Tư doanh Thành Công – Buôn Mê Thuột, Công ty Xi măng Hà Tiên 1...

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu phục vụ cho các Xưởng sản xuất cơ khí, mạ kẽm và trụ bê tông. Giá cả của sắt, thép, xi măng chịu sự ảnh hưởng biến động của thị trường và chính sách điều tiết vĩ mô của Chính phủ. Tuy nhiên, Công ty có mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp nguyên vật liệu, thực hiện đàm phán ký kết các hợp đồng với giá cả cạnh tranh và đảm bảo về chất lượng nên đã giảm đáng kể sự ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu tới kết quả kinh doanh.

6.3 Chi phí sản xuất:

Bảng: Chi phí hoạt động từ năm 2006 – 31/03/2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008		31/03/2009	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Giá vốn hàng bán	206.659	83,11	226.490	84,56	261.352	84,49	14.913	74,36
2	Chi phí bán hàng	725	0,29	2.097	0,78	554	0,18	2.041	10,17
3	Chi phí quản lý DN	39.978	16,08	37.915	14,15	46.243	14,95	3.037	15,14
4	Chi phí tài chính	1.223	0,49	1.379	0,51	1.055	0,34	57	0,28
5	Chi phí khác	77	0,03	3	0,00	133	0,04	11	0,05
	Tổng cộng	248.662	100	267.884	100	309.337	100	20.059	100

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, 2007, 2008 và BCTC quý I/2009 của PECC2

Tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính trên tổng chi phí tương đối ổn định qua các năm. Giá vốn hàng bán chiếm từ 83%-84,5%, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm từ 14,16%-16,08%, chi phí tài chính chiếm khoảng 0,3%-0,51% trên tổng chi phí của PECC2 từ năm 2006-2008.

Ghi chú: Từ ngày 01/11/2007 trở đi, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, kết quả kinh doanh giai đoạn 01/11/2007 đến 31/12/2007 thuộc về Công ty Cổ phần.

6.4 Trình độ công nghệ:

Trong những năm qua, để nâng cao năng lực công tác tư vấn khảo sát và thiết kế, Công ty đã không ngừng đầu tư đổi mới, bổ sung nhiều thiết bị, máy móc chuyên dùng phục vụ công tác khảo sát, thiết kế với công nghệ tiên tiến, các phần mềm tính toán chuyên ngành v.v... đáp ứng các yêu cầu hoạt động tư vấn đồng bộ phục vụ đầu tư xây dựng các lĩnh vực điện, giao thông, thủy lợi, công trình dân dụng, công nghệ, cơ sở hạ tầng v.v...

Hệ thống máy móc thiết bị khảo sát địa hình của Công ty hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân kỹ thuật trong quá trình thực hiện các công việc như: thành lập bản đồ địa hình với nhiều tỷ lệ bằng phương pháp đo đạc điện tử, đo trực tiếp qua chương trình, lập mô hình trên máy tính, xây dựng các hệ thống khống chế mặt bằng và cao độ phục vụ đo vẽ bản đồ, lập các cắt dọc và cắt ngang công trình phục vụ cho công tác thiết kế, tính khối lượng và diện tích chính xác qua các phần mềm chuyên dụng...



Khoan khảo sát công trình Thủy điện



Khoan khảo sát biển, dự án nhiệt điện Vĩnh Tân và Kiên Lương



Khoan xoay lấy mẫu tạo lỗ khoan giãn kế trong hầm ngang



BẢNG TÀI SẢN, MÁY MÓC THIẾT BỊ CỦA CÔNG TY

Stt	Tên tài sản cố định	Số lượng
1	Bộ cắt cánh ELE	1
2	Bộ dẫn kế đo trong hồ khoan	1
3	Bộ kích thuỷ lực	3
4	Bộ máy cắt ứng biến (13 chi tiết)	1
5	Công trục 10 Tấn	1
6	Dây chuyền cắt đột thép góc điều khiển CNC ALPS/150	1
7	Dây chuyền đột lỗ thép tấm điều khiển CNC PUMA-110S/PAXY 1000/FAGOR102S	1
8	Máy cố kết đất ASTMD (Cty)	1
9	Máy định vị 1 tần số PROMARK3	1
10	Máy định vị vệ tinh GPS 1 tầng	1
11	Máy đo GPS đơn tần GX 1210	2
12	Máy ghi áp suất và lưu lượng	6
13	Máy ghi Flowmeter CGF-C10 (Koken)	2
14	Máy ghi lưu lượng và áp suất tự động	2
15	Máy ghi tự động - Koken - CGF - 10	2
16	Máy khoan GX - 50	1
17	Máy khoan phụt nền đập GX50	1
18	Máy lọc sàng cỡ lớn	1
19	Máy mài cắt đá 220V/240 (Cty)	1
20	Máy mài mòn Los Angeles - Model D504/2	1
21	Máy nén	3
22	Máy thuỷ chuẩn LEICA NA2	1
23	Máy toàn đạc điện tử	12
24	Máy ủi gạt T175 - MTZ (Xe ủi)	1

Stt	Tên tài sản cố định	Số lượng
25	Phần mềm Advanced GT Developer's System	1
26	Phần mềm Geo –Slope	1
27	Phần mềm Promis.e Premier Suite	1
28	Phần mềm SteamPro	1
29	Phần mềm Strucad – Strumas	1
30	Phần mềm Strucad TK bản vẽ chế tạo cột thép (vesion 13)	1
31	Phần mềm Z.Soil	1
32	Trạm trộn phụt ghi Nhật	1
33	Xe phục vụ sản xuất, kinh doanh các loại	36

Nguồn: PECC2

Nhằm nâng cao năng lực tính toán và phát triển các phần mềm thiết kế chuyên dùng cho dịch vụ tư vấn kỹ thuật, nâng cao hiệu quả và năng suất lao động, Công ty đầu tư mua và tự viết các phần mềm ứng dụng mới phục vụ công việc. Các phần mềm Công ty đang sử dụng:

- Bộ GEO-SLOPE Office V.5 gồm các mô-đun: SLOPE/E, SIGMA/W, SEEP/W, QUAKE/W - hỗ trợ phần thiết kế đập và mái dốc cho các dự án thủy điện.
- PROMIS-E- Hỗ trợ phần thiết kế trạm biến áp.
- STRUCAD/STRUMAC - hỗ trợ thiết kế các kết cấu tháp cho các công trình xây dựng nhà máy điện và lưới điện.
- ADVANCE GT Developer's System - hỗ trợ thiết kế các nhà máy điện chu trình hỗn hợp.
- Phần mềm tính toán móng;
- Phần mềm tính toán vật liệu địa phương;
- Phần mềm thiết kế một số hạng mục công trình thủy điện;
- Phần mềm chuyên ngành thiết kế điện;
- Phần mềm tính toán đập và ổn định mái dốc;
- Phần mềm thiết kế tường chắn đất;
- Phần mềm tính toán cấu kiện bê tông cốt thép;
- Phần mềm hỗ trợ công tác lập bản đồ địa hình - địa chất tính toán khối lượng công trình;
- Phần mềm tính ổn định đập bằng phương pháp phần tử hữu hạn;

- PSS/ - Phần mềm mô phỏng và phân tích chế độ làm việc của hệ thống điện;
- EMTP - Phần mềm mô phỏng và tính toán quá trình quá độ trong hệ thống điện;
- CASA - Chương trình tính toán cột thép;
- SAP2000 - Chương trình tính toán cột thép;
- AF5/Afsys - Chương trình kế toán;
- RDW2000 - Chương trình tổng hợp nội lực và thiết kế kiểm tra cấu kiện;
- HS 3.0 - Chương trình trợ giúp thiết kế tính toán san nền;
- CASA 2.0 - Chương trình tính toán tĩnh động khung không gian;
- Chương trình tính móng băng.

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Trong quá trình tư vấn thiết kế và xây dựng các dự án nhà máy điện, đội ngũ nhân viên của công ty không ngừng tìm hiểu và nâng cao trình độ chuyên môn để có thể cung cấp dịch vụ tư vấn tốt nhất, đưa ra những phương án tốt nhất và phù hợp với yêu cầu ngày càng đổi mới của khách hàng. Điều này được chứng minh qua kết quả của những sáng kiến và sáng tạo được ứng dụng trong mỗi dự án, công trình do PECC2 tư vấn trong những năm qua.

Kể từ ngày thành lập, PECC2 đã thực hiện hàng chục đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Tổng công ty với định hướng chính là: nghiên cứu các vấn đề mang tính lý luận chung của ngành và nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật – công nghệ nhằm nâng cao chất lượng công tác tư vấn. Cụ thể là:

- Nghiên cứu các giải pháp kết cấu hợp lý cho các dự án thủy điện;
- Tổng kết ứng dụng các công nghệ mới trong xây dựng đập thủy điện;
- Nghiên cứu các giải pháp cho mạng chuyên tải, mạng phân phối, điện khí hóa nông thôn;
- Xây dựng các phần mềm chuyên ngành tư vấn góp phần nâng cao trình độ tin học hóa trong công tác thiết kế;
- Giải bài toán giải tích chế độ, dự báo phụ tải, dự báo nước về hồ, cân bằng năng lượng và công suất cho hệ thống;
- Phần mềm giải các bài toán phân tích ổn định đập, tính toán kết cấu công trình, phần mềm xử lý vẽ bản đồ, xử lý dữ liệu và lập hồ sơ khảo sát địa chất...; xây dựng thiết kế điển hình, các hướng dẫn tính toán thiết kế trạm, đường dây, tính toán thủy năng - thủy lợi - kinh tế năng lượng...”.

Với thành tích nghiên cứu khoa học công nghệ của mình, tập thể PECC2 và một số cá nhân của Công ty đã được Bộ Công nghiệp tặng bằng khen.



Phòng thí nghiệm tại Xí nghiệp
khảo sát



Thí nghiệm cơ địa trong hầm

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ:

– Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn nhằm thỏa mãn các nhu cầu của khách hàng, Công ty đã xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000. Năm 2002, Công ty đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001:2000 do tổ chức BVQI Anh Quốc chứng nhận.



Hệ thống gồm 28 quy trình tài liệu, chi phối mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất của Công ty, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO về trách nhiệm của lãnh đạo, về quản lý nguồn lực, về các quá trình hình thành sản phẩm, về đo lường, phân tích và cải tiến... Hệ thống quản lý chất lượng ISO của PECC2 thường xuyên được cải tiến và đã qua hai lần tái đánh giá. Qua 6 năm vận hành, hệ thống này đã phát huy tác dụng, góp phần không ngừng nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ, tăng mức doanh thu, cải thiện thu nhập của người lao động trong Công ty.

- **Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ của Công ty:**

Trên bước đường hội nhập và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Công ty luôn nhận thức đầy đủ về những khó khăn, thách thức phía trước và luôn đặt ra nhiệm vụ chiến lược là phải luôn phấn đấu hơn nữa để không ngừng cập nhật các tri thức công nghệ, nâng cao năng lực. Chính sách chất lượng của công ty là từng bước cập nhật và cải tiến công nghệ, nâng cao năng lực tư vấn xây dựng nhằm thỏa mãn một cách cao nhất các nhu cầu của khách hàng trên tất cả các sản phẩm dịch vụ mà công ty cung cấp.

Để thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng nội bộ Hệ thống Quản lý chất lượng của Công ty, Ban Chất lượng đã được thành lập. Ban Chất lượng là những cán bộ được đề cử từ một số đơn vị và làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Trong 6 năm đưa HTQLCL ISO 9001:2000 vào vận hành, Ban Chất lượng đã phát huy được vai trò của mình trong việc theo dõi, đôn đốc các đơn vị trong Công ty thực hiện tốt hệ thống này.

6.7 Hoạt động Marketing:

Trong bối cảnh hội nhập WTO, số lượng các công ty dịch vụ tư vấn trong và ngoài nước ngày càng gia tăng, thị phần do đó ngày càng bị chia nhỏ và sự cạnh tranh ngày càng trở nên khốc liệt. Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 luôn cố gắng tạo cho mình một phong cách, một hình ảnh riêng nhằm quảng bá thương hiệu một cách hiệu quả với đối tác và khách hàng. Xác định rõ mục tiêu, trong thời gian vừa qua, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động quảng bá uy tín và xây dựng thương hiệu với khẩu hiệu: “Giải pháp trí tuệ thành công bền vững”. Các hoạt động tiêu biểu được triển khai bao gồm:

- Thực hiện quảng cáo sản phẩm dịch vụ, quảng bá hình ảnh và hoạt động của Công ty thông qua hình thức công bố và đăng tải thông tin có liên quan lên báo chí, truyền thông, truyền hình, tổ chức sự kiện và hội nghị.
- Đưa tin các buổi ký kết hợp tác chiến lược với GEDI, lễ ký kết hợp đồng giữa công ty, các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án và Chương trình hoạt động đoàn thể - xã hội trên website của Công ty.
- Thiết lập và duy trì mối quan hệ với báo chí, giới truyền thông thông qua việc hợp tác các chương trình truyền hình và chuyên mục báo chí liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tập trung vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến các sản phẩm dịch vụ, nâng cấp và hoàn thiện website của công ty với nội dung phong phú và kịp thời, khả năng truy cập nhanh và hiệu quả.
- Tích cực tham gia vào các hội doanh nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm sản xuất kinh doanh và quảng bá rộng rãi hình ảnh, sản phẩm của Công ty ở thị trường trong nước cũng như Quốc tế. Công ty hiện nay là thành viên của:
 - + Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam (VECAS);
 - + Hiệp hội đầu tư xây dựng năng lượng;
 - + Hội Điện lực Việt Nam;

- + Hội đập cao Việt Nam;
- + Hội KHKT Nhiệt Việt Nam.

Song song với việc xây dựng hình ảnh ra công chúng, Công ty còn tập trung xây dựng văn hóa doanh nghiệp ngay trong nội bộ Công ty nhằm hình thành một văn hóa làm việc tích cực, phát huy thế mạnh của tập thể, tăng cường nội lực và sức mạnh của Công ty.

6.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:

Nhãn hiệu thương mại của PECC2:



6.9 Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện hoặc đã ký kết:

- Các hợp đồng sản phẩm tư vấn điện:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Số hợp đồng	Đối tác	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời gian thực hiện hợp đồng	Nội dung hợp đồng
I	Tư vấn các công trình lưới điện		180.581		
1	184-11/06/07	Ban QLDA Các công trình điện Miền Nam	2.884	6/2007 - 2009	TBA Cầu Bông
2	311-15/07/08	Ban QLDA Các công trình điện Miền Nam	11.548	7/2008 – 2009	Sân phân phối 500/220kV và TBA tại Trung tâm điện lực Vĩnh Tân (khảo sát, lập dự án đầu tư, TKKTN BVTC, HSMT)
3	286-10/09/08	Ban QLDA Các công trình điện Miền Nam	29.813	9/2008 – 2009	ĐD 500kV Vĩnh Tân Sông Mây (khảo sát phục vụ lập TKKT, lập TKKT- TDT, TK bản vẽ thi công)
4	642-29/3/05	Ban QLDA Các công trình điện Miền Bắc	20.000	Theo tiến độ EVN	Đ D 500kV Sơn La Sóc Sơn (khảo sát, lập RAP, EIA, TKKT & TDT, HSMT, BVTC, và giám sát

Stt	Số hợp đồng	Đối tác	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời gian thực hiện hợp đồng	Nội dung hợp đồng
					tác giả)
5	116-29/08/07	Ban QLDA Các công trình điện Miền Bắc	40.987	2007 - 2009	Đ D 500kV Sơn La Hiệp Hòa (khảo sát, lập RAP, EIA, TKKT & TDT, HSMT, BVTC, và giám sát tác giả)
6	07/HĐ-TVĐ2-P2 22/01/2008	Ban QL các công trình điện MN	10.727	2008-2009	Đường dây 500KV Vĩnh Tân – Sông Má
7	12/HĐ-TVĐ2-P02 28/2/2008	Ban QL các công trình điện MN	7.845	2008-2009	Đường dây 500kV Duyên Hải – Mỹ Tho
8	93/2007/HĐTV-AMT-KH 20/12/2007	Ban QL các công trình điện MT	2.104	2008-2009	Đường dây 500kV Đẩu nối NMD Vũng Áng vào ĐD 500kV hiện có
9	359/HĐ-TVĐ2-P02 10/11/2008	Ban QL các công trình điện MN	12.052	2009-2010	Trạm biến áp 500kV Cầu Bông và đấu nối
10	10HĐ-TVĐ2-P02 28/2/2008	Ban QL các công trình điện MN	2.912	2008-2009	Trạm biến áp 500KV Mỹ Tho
11	12HĐ-TVĐ2-P02 22/1/2008	Ban QL các công trình điện MN	12.509	2008-2009	Trạm biến áp 500KV Mỹ Tho
12	11/HĐ-TVĐ2-P02 22/1/2009	Ban QL các công trình điện MN	5.200	2009-2010	Trạm biến áp 500kv Ô Môn (M2)
13	297/HĐ-TVĐ2-P02 8/9/2008	Công ty Điện Lực 2	22.000	2008-2010	Cáp ngầm 110kV Xuyên biển Hà Tiên – Phú Quốc
II	Tư vấn các công trình nhiệt điện		110.817		
1	19 - 1/2/2008	Ban A NĐ 3	2.132	2008-2009	Cơ sở hạ tầng TTĐL Vĩnh Tân – Khảo sát, lập DAĐT
2	2 – 15/1/2008	Ban A NĐ 3	2.594	2008-2009	San gạt mặt bằng TTĐL Vĩnh Tân – Khảo sát, lập DAĐT

Stt	Số hợp đồng	Đối tác	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời gian thực hiện hợp đồng	Nội dung hợp đồng
3	63 – 31/3/2008	Ban A NĐ 3	8.142	2008-2009	Cơ sở hạ tầng TTDL Duyên Hải – Khảo sát, lập DAĐT
4	20 – 24/01/2008	Ban A NĐ 3	12.644	2008-2009	NMĐ Duyên Hải 1 – Khảo sát, lập DAĐT
5	72/TV2-TANTAO 8/4/2008	Tđoàn Tân Tạo	18.162	2008-2009	NMĐ Kiên Lương 1 – Khảo sát, lập DAĐT
6	56 – 31/3/2008	Cty NĐ Cần Thơ	716	2008-2009	TTĐL Ô Môn – Lập quy hoạch (Hiệu chỉnh)
7	57- 31/3/2008	Cty NĐ Cần Thơ	8.761	2008-2009	NMĐ Ô Môn III – Lập DAĐT (Hiệu chỉnh)
8	177- 26/6/2008	Vụ NL – Bộ CT	3.382	2008-2009	TTĐL Sơn Mỹ - Lập Quy hoạch
9	7/1/2009	JANAKUASA	31.500	2009-2010	NMĐ Duyên Hải 2 – Khảo sát, lập DAĐT
10	316-01- 11/07	Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	14.642	2007 – 2009	Cung cấp dịch vụ tư vấn cho chủ đầu tư của gói thầu EPC Nhà máy điện Nhơn Trạch 2
11	63- 31/03/08	Ban QLDA Nhiệt điện 3	8.142	2008 – 2009	Trung tâm Điện Lực Duyên Hải - Trà Vinh (lập dự án đầu tư cơ sở hạ tầng)
III	Tư vấn các công trình thủy điện		110.190		
1	05/H Đ- EVC- TV Đ2-KH- 31/10/07	Công ty CP EVN Campuchia	21.667	9/2007 – 03/2009	Thủy điện Hạ Sensan 1/ Sêsan 5- trên lãnh thổ Việt Nam và Campuchia (KS, nghiên cứu lập dự án đầu tư)
2	109- 20/6/2008	Ban QLDA TĐ 6	13.205	2008-2010	Thủy Điện Đồng Nai 3 – Lập BVTC

Stt	Số hợp đồng	Đối tác	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Thời gian thực hiện hợp đồng	Nội dung hợp đồng
3	122 – 20/6/2008	Ban QLDA TĐ 6	17.673	2008-2011	Thủy Điện Đồng Nai 4 – Lập BVTC
4	5.326- 3/12/2007	Ban QLDA TĐ 5	11.542	2007-2010	Thủy Điện Srêpok 3 – Lập BVTC
5	254- 2/10/2007	TCT XD Số 1	9.580	2007-2010	Thủy Điện Đakrith– Lập BVTC
6	54&22- 28/12/2006 & 24/8/2007	IDICO	36.523	2007-2011	Thủy Điện Đak Mi 4 – Lập TKKT + BVTC
	TỔNG		401.588		

Nguồn: PECC2

– Các hợp đồng khoan phụt:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Số hợp đồng	Đối tác	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Nội dung hợp đồng
1	Hợp đồng số 15/HDD- XD ngày 26/03/08	Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn	20.000	2008	Thi công khoan phụt chống thấm công trình thủy điện Buôn Kuốp
2	Hợp đồng kinh tế số 217/HĐ/XNKS-2008 ngày 21/07/08	Công ty CP Xây dựng 47	17.000	2008-2010	Khoan phụt xử lý Đồng Nai 4
3	Hợp đồng kinh tế số 201/HĐ/XNKS-2008 ngày 20/10/08	Chi nhánh Tây Nguyên- Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4	8.700	Theo tiến độ công việc	Đắp thử bê tông đầm lăn Đồng Nai 3
4	Hợp đồng kinh tế số 135/HĐMT ĐCCT/ 2008	Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO	Theo khối lượng công việc thực tế	2008 - 2010	Mô tả địa chất công trình
5	Hợp đồng kinh tế số 28A/HĐNT/2008	Công ty CP Tư vấn Đầu tư IDICO	Theo khối lượng công việc thực tế	Theo tiến độ công việc	Mô tả địa chất công trình

Nguồn: PECC2

Các hợp đồng sản phẩm cơ khí:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khách hàng	Đối tác	Giá trị	Thời gian thực hiện	Nội dung hợp đồng
1	Hợp đồng cung ứng vật tư số 05245/ HĐ- TTĐ4 ngày 22/10/08	Công ty Truyền tải điện 4	1.520	2008-2009	Cung cấp kết cấu sắt thép
2	Hợp đồng cung cấp cột tháp số 38/ HĐKT- A ĐLMN.KH-VT ngày 18/07/08	Ban Quản Lý Dự án Điện Lực miền Nam- Công ty Điện Lực 2	1.750	2008	Cung cấp cột tháp sắt mạ kẽm
3	Hợp đồng kinh tế số 43/ HĐKT ngày 20/06/08	Viễn thông Quảng Nam	2.493	2008	Cung cấp cột ăng ten
4	Hợp đồng kinh tế số 100/ HĐKT ngày 23/09/08	Viễn thông Quảng Nam	1.606	2008	Cung cấp cột ăng ten
5	Hợp đồng số 1434/ CKTB- KHĐN ngày 06/11/2008	Cty CP Tư vấn Thiết kế cảng biển - Kỹ thuật biển	812	2008	Cung cấp kết cấu sàn đạo
6	Thỏa thuận Hợp đồng	Huaeu Tech. Investment Co., Limited.	Theo khối lượng sản phẩm dịch vụ	2008	Cung cấp cột thép và phụ kiện
7	Hợp đồng bán hàng 01/7/2008	Comin Asia Pte. Ltd	71.367,43 USD	2008	

Nguồn: PECC2

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm gần nhất:

7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh:

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008	31/03/2009	% tăng giảm 2007/2006	% tăng giảm 2008/2007
Tổng giá trị tài sản	234.709	213.367	232.789	184.104	-9,09	9,10
Doanh thu thuần	260.595	282.727	324.295	20.407	8,49	14,70
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.592	18.012	18.434	1.206	15,52	2,34

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	31/12/2008	31/03/2009	% tăng giảm 2007/ 2006	% tăng giảm 2008/ 2007
Lợi nhuận khác	140	149	2.164	9	6,43	1352,35
Lợi nhuận trước thuế	15.733	18.161	20.599	1.215	15,43	13,42
Lợi nhuận sau thuế	11.386	13.235	14.777	911	16,24	11,65
Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá cổ phần	-	18%	20%			
EPS (đồng)		2.982	3.329			11,64

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006, năm 2007, năm 2008 và BCTC Quý 1/2009 của PECC2

Từ tháng 10/2007 trở về trước, Công ty hoạt động theo mô hình công ty 100% vốn Nhà nước (EVN). Từ tháng 11/2007, Công ty đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với tỷ lệ vốn Nhà nước (EVN) là 51,26%.

Năm 2007, mặc dù tổng tài sản của Công ty giảm nhẹ so với năm 2006 (giảm 9%), tuy nhiên kết quả kinh doanh năm 2007 khả quan hơn rất nhiều so với năm 2006: doanh thu thuần tăng 8,5% so với năm 2006, lợi nhuận sau thuế tăng 16,24%.

Doanh thu năm 2008 của PECC2 đạt 324 tỷ đồng, tăng 14,7% so với năm 2007, lợi nhuận sau thuế đạt 14 tỷ đồng, tăng 11,65% so với năm 2007.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo:

7.2.1 Thuận lợi:

- Công ty có được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cùng sự đoàn kết, quyết tâm của lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong Công ty, từ đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Công ty.
- Bộ máy tổ chức, quản lý trong Công ty đã được củng cố, sắp xếp lại phù hợp với mô hình phát triển của Công ty trong giai đoạn mới, tạo sự năng động trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh; tìm kiếm, khai thác, mở rộng thêm nguồn công việc để góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty.
- Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, chuyên môn khoa học kỹ thuật chuyên sâu, nhiều kinh nghiệm, được đào tạo ở các trường uy tín trong nước và nước ngoài, phương pháp quản lý và làm việc đang từng bước được chuyên nghiệp hóa. Trong từng lĩnh vực hoạt động, Công ty đều có các kỹ sư chủ chốt đảm nhận chức danh Chủ nhiệm đồ án. Với năng lực tầm cỡ quốc tế, thể hiện tính chuyên nghiệp và trình độ chuyên môn cao, có năng lực điều hành quản lý và kỹ năng ngoại ngữ, tin học, đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu nhiệm vụ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chủ đầu tư khác về dịch vụ tư vấn đầu tư khảo sát thiết kế các dự án nguồn và lưới điện. Các sản phẩm của Công ty sau khi hoàn thành và bàn giao đều được khách hàng thỏa mãn và tạo được lòng tin vững chắc của khách hàng.
- Tính chuyên nghiệp, trình độ và kinh nghiệm của Công ty còn được tích lũy thông qua sự hợp tác có hiệu quả với các cơ quan tư vấn nước ngoài của Mỹ, Canada, Thụy Điển, Pháp, Thụy Sĩ, Ailen, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Úc, v.v...
- Trang thiết bị máy móc của Công ty hiện đại. Việc chú trọng nâng cao năng lực thiết bị dùng trong các lĩnh vực khảo sát, thiết kế, thí nghiệm, đầu tư bổ sung đổi mới công nghệ tiên tiến đã góp phần nâng cao năng suất lao động, rút ngắn thời gian thực hiện các công việc, giảm chi phí giá thành, nâng cao lợi nhuận cho doanh nghiệp.

7.2.2 Khó khăn:

- Năm 2007, Công ty chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam sang Công ty cổ phần. Từ khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, tình hình nhân sự, cơ cấu bộ máy quản lý có nhiều thay đổi để phù hợp với cơ chế hoạt động mới của Công ty. Đặc biệt khi trở thành công ty đại chúng, PECC2 cũng phải có những điều chỉnh trong hoạt động nhằm tuân thủ đúng các nguyên tắc quản trị Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán.
- Năm 2008 do ảnh hưởng của sự khủng hoảng kinh tế thế giới, nền kinh tế Việt Nam có nhiều biến động theo chiều hướng bất lợi. PECC2 không nằm ngoài sự ảnh hưởng đó.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

8.1 Vị thế của Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 là một trong bốn Công ty Tư vấn Xây dựng Điện hàng đầu của Việt Nam, chuyên khảo sát thiết kế lập dự án đầu tư xây dựng phát triển điện. Trước khi cổ phần hóa, Công ty được giao nhiệm vụ thực hiện khảo sát thiết kế hầu hết các công trình lưới điện và một số công trình nguồn điện Quốc gia. Vị thế và uy tín của Công ty trong ngành được thể hiện qua những dự án lớn mà Công ty đã được Tập đoàn Điện lực Việt Nam giao làm đơn vị tư vấn chính. Cùng với chính sách mở cửa và đa dạng hóa các nhà đầu tư trong lĩnh vực ngành điện, ngoài khách hàng chính là các đơn vị thuộc EVN, Công ty đã và đang thực hiện dịch vụ tư vấn cho các nhà đầu tư khác trong nước và cả các nhà đầu tư nước ngoài.



Hợp tác Quốc tế

Trực tiếp làm việc với các đối tác nước ngoài, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 không chỉ trao đổi kinh nghiệm, không ngừng học hỏi nâng cao năng lực mà còn thương thảo và ký kết các loại thỏa thuận, hợp đồng kinh tế với nhiều công ty tư vấn nước ngoài để thực hiện các dịch vụ tư vấn điện tại Việt Nam với tư cách là tư vấn chính hoặc tư vấn phụ. Dưới đây là những dự án hợp tác quốc tế tiêu biểu của Công ty cho tới nay:

NHỮNG DỰ ÁN HỢP TÁC QUỐC TẾ TIÊU BIỂU

Stt	Đối tác nước ngoài	Công trình	Quốc gia	Giai đoạn
1	Moscow Hydropower Institute (Viện Thủy công Mát-xcơ-va) - SHC "Institute Hydroproject" (HPI)	Thủy điện Trị An Thủy điện Đồng Nai 3 - 4	Nga	1983 - 1987 2004 - 2006
2	Kharkov Hydropower Institute	Thủy điện Thác Mơ	Ukraine	1990 - 1994
3	J-Power, Nippon Koei	Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi Thủy điện Đa Nhim Thủy điện Thác Mơ Mở rộng	Nhật	1994 - 2001 1999 2008 - 2011
4	Sogreah / SNC-Lavalin / C.Lotti	Thủy điện Đại Ninh	Pháp/ Canada /Italia	1998 - 2000
5	ESB International (ESBI)	Nhiệt điện Phú Mỹ 2 -1 Nhiệt điện Phú Mỹ 4 Nhiệt điện Nhơn Trạch 1	Ireland	1995 - 1997 2002 - 2004 2007 - 2008
6	BP (British Petroleum)	Nhiệt điện Phú Mỹ 3	Anh	2002 - 2004
7	NEWJEC	Nhiệt điện Phú Mỹ 1 Lưới điện đồng bộ với Phú Mỹ 1 và Đd 500 kV Phú Mỹ – Nhà Bè – Phú Lâm	Nhật	1998 - 2002 1999 - 2003
8	Stone & Webster	Nhiệt điện Phú Mỹ 2 -1 Mở rộng	Mỹ	1998 - 2000
9	EDF	Nhiệt điện Phú Mỹ 2.2	Pháp	1999 - 2000
10	TEPCO	Nhiệt điện Ô Môn 1	Nhật	1999 - 2008
11	Connel Wagner PPI	Lưới điện đồng bộ với N.điện Ô Môn	Australia	1999 - 2002
12	Fichtner	Phú Mỹ 2 -1 Đuôi hơi	Đức	2000 - 2003
13	Electrowatt Ekono (Pöyry Energy)	Nhiệt điện Cà Mau	Thụy Sĩ	2002 - 2004
14	Korea Plant Service & Engineering	Trung tâm Sửa chữa - Dịch vụ Phú Mỹ	Hàn Quốc	2003 - 2004

Stt	Đối tác nước ngoài	Công trình	Quốc gia	Giai đoạn
	Co. Ltd (KPS)			
15	Ukrhydroproject	Thủy điện Bảo Lộc Thủy điện Srokphumieng	Ukraine	2003 - 2006
16	Formosa	Nhiệt điện độc lập đồng phát điện Formosa Trạm & Đd 220kV Formosa - Long Thành	Đài Loan	2003 – 2006 2004 - 2005
17	SWECO	Quy hoạch Thủy điện Quốc gia Thủy điện A Vương	Thụy Điển	2004 2003 - 2006
18	Maunsell	Thủy điện Bắc Bình Thủy điện Buôn Kuốp và A Vương Thủy điện Đăk R'tih Thủy điện Đăk Mi 4	New Zealand	2004 - 2007 2004- 2005 2004 - 2006 2006 - 2008
19	East China Investigation and Design Institute (ECIDI)	Thủy điện Buôn Kuốp Thủy điện Srepok 3 Thủy điện Đồng Nai 3 - 4	Trung Quốc	2003 - 2007 2004 - 2008 2007 - 2010
20	Colenco Power Engineering Ltd	Phụ Mỹ 2 -1 Đuôi hơi Thủy điện Đồng Nai 3 - 4 Thủy điện Đăk Mi 4	Thụy Sĩ	2000 - 2003 2004 - 2007 2005 - 2008
21	SMEC	Thí nghiệm RCC thủy điện Đồng Nai 3	Úc	2006 - 2007
22	Tae Kwang Vina Industrial J.S Co.	Dự án Đầu tư Nhiệt điện than Sơn Mỹ	Hàn Quốc	2007-2008
23	Ensham Resorces	Dự án Đầu tư Nhiệt điện than Kiên Lương	Úc	2007-2008
24	Guangdong Electric Power Design Institute (GEDI)	Nhiệt điện than Vĩnh Tân 1, Nhiệt điện than Vĩnh Tân 2	Trung Quốc	2007 - 2011

- Trong vòng gần 30 năm, Công ty đã và đang thực hiện một khối lượng đáng kể các dự án đầu tư xây dựng phát triển hệ thống nguồn và lưới điện ở Việt Nam, Lào và Campuchia... thể hiện năng lực của PECC2 trong các lĩnh vực tư vấn Thủy điện, Nhiệt điện, Lưới điện, Khảo sát thiết kế và Gia công cơ khí.

Tư vấn Thủy điện

- Dự án trong nước:

- Lập Dự án đầu tư (FS/Pre-FS) : 27 dự án với tổng công suất 4.000MW
- Lập TKKT&HSMT : 19 dự án với tổng công suất 3.200MW
- Lập BVTC&GSTG : 13 dự án với tổng công suất 1.860MW
- Tư vấn Giám sát xây dựng : 05 dự án với tổng công suất 880MW
- Thẩm định thiết kế : 04 dự án với tổng công suất 997MW
- Công trình đã vận hành : 07 công trình với tổng công suất 1.448MW
- Công trình đang thi công : 11 công trình với tổng công suất 1.626MW

- Dự án nước ngoài:

- Đang lập FS cho Dự án thủy điện Hạ Sê san 1 (96MW) nằm giữa 2 nước Việt Nam và Campuchia và sẽ khởi công vào đầu năm 2010;

- Đang lập Qui hoạch cho cụm các dự án thủy điện (khoảng 90MW) trên sông Prex Ter và Prex Chlong tại Campuchia;
- Đang chuẩn bị nghiên cứu lập FS cho một số Dự án thủy điện tại Lào



Tư vấn Nhiệt điện

PECC2 được biết đến như là một đơn vị tư vấn hàng đầu của Việt Nam về tư vấn Nhà máy nhiệt điện công nghệ Tuabin khí hỗn hợp. Trong lĩnh vực tư vấn nhiệt điện, Trung tâm Tư vấn Nhiệt điện của PECC2 có khả năng tư vấn và thiết kế thành thạo các lĩnh vực, công nghệ như sau:

- Công nghệ Tuabin khí chu trình hỗn hợp: đã tư vấn và thiết kế các loại Nhà máy điện Tua-bin khí Chu trình hỗn hợp với Tuabin khí các thế hệ E, F với công suất nhà máy lên đến 1090MW;
- Công nghệ nhiệt điện ngưng hơi truyền thống đốt dầu với công suất tổ máy lên đến 330MW;
- Công nghệ nhiệt điện ngưng hơi truyền thống đốt than với công suất tổ máy lên đến 1000MW, thông số hơi tới hạn và siêu tới hạn;
- Cải tạo vòng đời nhà máy và nâng công suất các nhà máy điện;
- Ứng dụng công nghệ lò hơi tầng sôi tuần hoàn CFB (300MW);
- Ứng dụng công nghệ khử lưu huỳnh bằng nước biển SW-FGD và sử dụng đá vôi thạch cao ướt;
- Quy hoạch hệ thống điện;
- Nghiên cứu các nguồn năng lượng tái tạo;



Tư vấn Lưới điện

- Tư vấn, thiết kế đường dây truyền tải và phân phối cấp điện áp đến 500kV các giai đoạn: Quy hoạch lưới điện, Dự án đầu tư xây dựng / Báo cáo nghiên cứu khả thi, kỹ thuật, Thiết kế kỹ thuật - Tổng dự toán, Bản vẽ thi công, Hồ sơ mời thầu, Đánh giá Hồ sơ dự thầu;
- PECC2 đã thực hiện trên 400 công trình đường dây 220kV, 110kV khác nhau tại miền Nam và một số dự án tại miền Bắc, miền Trung Việt Nam.



Khảo sát thiết kế

- Trên 20 công trình nguồn điện công suất từ 30MW đến 1000MW;
- Khoan trên 150.000m;
- Đo vẽ bình đồ các tỷ lệ từ 1/500 đến 1/2000 khoảng 20.000 ha;
- Đo vẽ mặt cắt địa hình trên 2.000 km;
- Khảo sát trên 1.300km đường dây có điện áp 500 kV;
- Hơn 6.000 km đường dây có điện áp từ 66 kV đến 220kV.

Đã và đang tiến hành khảo sát:

- 32 dự án Đường dây 220kV
- 19 dự án Trạm biến áp 220kV
- 60 dự án Đường dây 110kV
- 46 dự án Trạm biến áp 110kV

8.2 Triển vọng ngành:

Tư vấn xây dựng điện luôn là ngành tiên phong về trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng và vận hành các nhà máy điện.

Do điện là ngành đáp ứng nhu cầu thiết yếu nên một nền kinh tế tăng trưởng hay suy thoái thì nhu cầu về năng lượng và điện vẫn luôn cần thiết. Đối với bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, điện năng được xem như là một công cụ phản ánh tình trạng của nền kinh tế một cách nhạy bén và chính xác nhất. Trong đó, xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ của điện năng sẽ có tác động trực tiếp đến sự tăng trưởng của nền kinh tế và ngược lại. Chính vì vậy điện năng được coi là phong vũ biểu của nền kinh tế và là công cụ quan trọng trong việc phát triển các ngành kinh tế quốc dân cũng như toàn xã hội. Năng lượng điện là một trong những yếu tố đầu vào quan trọng nhất trong quá trình hình thành và tiêu thụ nhiều loại hàng hoá khác nhau từ nông nghiệp, các mặt hàng thủ công, đến các mặt hàng có chất lượng và kỹ thuật cao. Điện năng không thể thiếu được trong các vùng của các quốc gia khác nhau.

Theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 18/07/2007 phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006 – 2015 có xét đến năm 2025, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2006 – 2010, dự báo nhu cầu điện nước ta tăng ở mức 17%/năm (phương án cơ sở), 20% năm (phương án cao) trong giai đoạn 2006 – 2015, trong đó xác định phương án cao là phương án điều hành, chuẩn bị phương án 22%/năm cho trường hợp tăng trưởng đột biến.

Như vậy triển vọng phát triển ngành điện và kéo theo đó là tư vấn điện là rất lớn. Đây là cơ hội rất lớn cho PECC2 tiếp tục mở rộng quy mô và phát triển hơn nữa trong tương lai.

9. Chính sách đối với người lao động:

9.1 Tình hình lao động hiện nay:

- Tổng số cán bộ công nhân viên toàn Công ty (ký hợp đồng dài hạn) tính đến ngày 31/05/2009 là 906 người. Lực lượng lao động của Công ty bao gồm đầy đủ các chuyên ngành như: điện, điện tử, viễn thông, xây dựng, kiến trúc, thủy công, năng lượng, cơ khí, trắc địa, địa chất, môi trường, thủy văn, kinh tế, tài chính, luật, tin học, .. được đào tạo từ các trường đại học uy tín chính quy trong nước và nước ngoài như Pháp, Nhật, Mỹ, Liên Xô, Tiệp Khắc...

- Phân loại lao động theo trình độ:

Stt	Loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và sau đại học	429	47,35
3	Cao đẳng – Trung học	120	13,25
4	Công nhân kỹ thuật - Nhân viên	357	39,4
Tổng cộng		906	100

Nguồn: PECC2

9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:

9.2.1 Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Ngay sau khi hoạt động theo cơ chế của Công ty cổ phần, PECC2 đã nghiên cứu, xây dựng và ban hành Quy chế tuyển dụng riêng của Công ty nhằm tuyển dụng và giữ được cán bộ có kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ giỏi, tay nghề cao và đam mê công việc phù hợp với yêu cầu công việc, đảm bảo đáp ứng đủ về số lượng, chất lượng (năng lực, kỹ năng...) để cùng Công ty nâng cao năng lực tư vấn và thi công các công trình điện đòi hỏi cao về trình độ chuyên môn cũng như kinh nghiệm.

Đối với đào tạo, ngoài việc tổ chức đào tạo tại chỗ, vừa làm vừa học qua thực tế công việc, PECC2 còn tạo mọi điều kiện thuận lợi, cần thiết để người lao động được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn,...nhằm không ngừng nâng cao trình độ về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ... năng lực cạnh tranh, thực hiện tốt chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng của Công ty.

9.2.2 Chính sách tiền lương.

Nhằm khuyến khích nâng cao hiệu quả lao động, hiệu suất công tác của từng người lao động, từng đơn vị trong Công ty, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện đề án, năm 2008 PECC2 đã ban hành Quy chế phân phối tiền lương áp dụng cho các đơn vị trong Công ty. Căn cứ quy định chung của Quy chế này, mỗi khối, mỗi đơn vị đã xây dựng quy chế trả lương (thưởng năng suất) riêng cho phù hợp với đặc thù công việc tư vấn và công tác sản xuất kinh doanh của mỗi đơn vị nhằm động viên khuyến khích người lao động làm việc với năng suất, chất lượng và đạt hiệu quả cao.

10. Chính sách cổ tức:

Cổ tức hàng năm của Công ty được chi trả dựa trên nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo quy định của pháp luật. Theo đó, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và kiến nghị mức cổ tức chi trả để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước, các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật hiện hành

Năm	2007	2008	2009
Cổ tức	18%	20%	18%

Năm 2007, Công ty chia cổ tức là 18%/năm và năm 2008 Công ty chia cổ tức là 20%/năm. Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2009, thông qua mức cổ tức dự kiến 18%/năm.

11. Tình hình hoạt động tài chính:

11.1 Trích khấu hao tài sản cố định:

Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc : 06 - 25 năm

Máy móc thiết bị : 02 - 05 năm

Phương tiện vận tải : 03 - 04 năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý: 02 - 05 năm

11.2 Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của Công ty là tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng ngành, và mức trung bình so với các doanh nghiệp cùng khu vực (Thành phố Hồ Chí Minh). Mức lương bình quân của PECC2 qua các năm:

Năm 2006: 8.382.137 (đồng/tháng)

Năm 2007: 9.206.429 (đồng/tháng)

Năm 2008: 7.953.847 (đồng/tháng)

Thu nhập bình quân 05 tháng đầu năm 2009: 10.989.276 (đồng/tháng)

11.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Việc thanh toán các khoản nợ đến hạn được Công ty thực hiện đúng hạn và đầy đủ.

11.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty nghiêm chỉnh thực hiện tốt các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

11.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Hàng năm công ty trích lập các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ dự phòng tài chính theo luật định. Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ từ năm 2006 đến tháng 31/03/2009 chi tiết theo bảng sau:

Tình hình trích lập các Quỹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/10/2007	31/12/2007	31/12/2008	31/03/2009
Quỹ khen thưởng , phúc lợi	9.991	4.336	1.462	254	-31
Nguồn kinh phí	118	251	314	294	286

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, 2007, 2008 và BCTC Quý 1/2009 của PECC2

11.6 Tổng dư nợ vay:

Công ty không có nợ quá hạn.

11.7 Tình hình công nợ hiện nay:

+ Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/10/2007	31/12/2007	31/12/2008	31/03/2009
Phải thu ngắn hạn	101.529	59.068	77.161	80.957	58.555
Phải thu khách hàng	90.652	39.796	61.765	78.245	54.429
Trả trước cho người bán	8.874	8.512	7.293	4.021	4.813
Các khoản phải thu khác	2.193	11.407	8.757	727	1.349
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-190	-647	-654	-2.036	-2.036
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, 2007, 2008 và BCTC quý I/2009 của PECC2

+ Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/10/2007	31/12/2007	31/12/2008	31/03/2009
Nợ ngắn hạn	150.807	128.266	151.310	163.238	112.256
Vay và nợ ngắn hạn	9.737	10.638	8.995	2.278	666
Phải trả người bán	35.605	21.493	26.229	33.358	29.817
Người mua trả tiền trước	40.800	72.047	40.375	29.242	53.315
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	8.924	3.840	10.188	18.177	3.823
Phải trả người lao động	47.811	2.399	45.023	59.979	2.650
Chi phí phải trả	963	3.825	3.420	1.646	1.380
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		1250		906	3467

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/10/2007	31/12/2007	31/12/2008	31/03/2009
Các khoản phải trả phải nộp khác	6.967	12.774	17.080	17.652	17.138
Nợ dài hạn	6.730	1.602	2.559	2.721	4.663
Vay và nợ dài hạn	5.108				
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.622		1.708	1.707	1.625
Dự phòng phải trả dài hạn		1602	851	1.014	3.038
Tổng cộng	157.537	129.868	153.869	165.959	116.919

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, 2007, 2008 và BCTC quý I/2009 của PECC2

- ✓ Công ty không có những khoản phải thu dài hạn. Chiếm tỷ trọng lớn trong khoản mục phải thu ngắn hạn là các khoản phải thu của khách hàng.
 - ✓ Nợ phải trả của PECC2 chủ yếu là nợ ngắn hạn, trong đó các khoản mục chiếm tỷ trọng lớn thường là “phải trả người bán” và “người mua trả tiền trước”. Chiếm dụng vốn của bạn hàng và nhà cung cấp cũng là điểm đặc trưng của ngành tư vấn xây dựng điện.
- Các khoản đầu tư của Công ty từ năm 2006 – 31/03/2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/10/2007	31/12/2007	31/12/2008	31/03/2009
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	34.082	-	-	2.000	12.000
Đầu tư ngắn hạn	34.082	-	-	2.000	12.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	388	388	388	388	388
Đầu tư vào công ty liên kết	333	333	333	333	333
Đầu tư dài hạn khác	55	55	55	55	55

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, 2007, 2008 và BCTC Quý I/2009 của PECC2

Nhận xét:

- + Đến ngày 31/03/2009 công ty có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giá trị 12 tỷ đồng - là khoản tiền gửi ngân hàng.
- + Khoản đầu tư dài hạn khác (55 triệu đồng) bao gồm: Công trái giáo dục 35 triệu đồng kỳ hạn 5 năm (mua ngày 26/05/2005) và Trái phiếu chính phủ 20 triệu đồng kỳ hạn 5 năm (mua ngày 15/08/2005).

11.8 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	31/03/2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,33	1,21	1,28	1,43
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,11	0,95	1,10	0,93
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (%)	0,67	0,72	0,71	0,64
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (%)	2,04	2,59	2,48	1,74
+ Hệ số Nợ Vay/Vốn chủ sở hữu (%)	0,19	0,15	0,03	0,01

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	31/03/2009
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
+ Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	6,46	5,80	8,94	0,3
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	1,11	1,33	1,39	0,11
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,37%	4,68%	4,56%	4,47%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	14,76%	22,24%	22,11%	1,36%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	4,85%	6,24%	6,35%	0,5%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh Doanh/Doanh thu thuần	5,08%	5,74%	4,98%	2,04%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, 2007, 2008 và BCTC Quý I/2009 của PECC2

- Khả năng thanh toán nhanh và thanh toán hiện hành của Công ty tương đối ổn định ở mức xấp xỉ 1-1,3. Tuy nhiên, do sử dụng nợ ngắn hạn nhiều để tài trợ cho tài sản lưu động nên khả năng thanh toán nhanh của Công ty không cao.
- Cơ cấu vốn
 Hệ số Nợ trên tổng tài sản tương đối cao, bình quân khoảng 70% trong giai đoạn 2006-2008 và giảm xuống 64% cuối quý I/2009.
- Tỷ lệ Nợ Vay trên Vốn chủ sở hữu từ năm 2006-2007 trong khoảng 15% - 19% và giảm còn 3% trong năm 2008, đến quý I/2009 đạt 1%. Các hệ số này cho thấy, công ty không có những khoản vay nợ dài hạn kể từ khi là công ty cổ phần, những khoản vay ngắn hạn là khá thấp qua 03 năm gần nhất. Đồng thời, nợ phải trả của công ty chủ yếu từ “Phải trả người bán” và “Người mua trả tiền trước” làm cho hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu bình quân gấp 2 lần Vốn chủ sở hữu từ năm 2006-2008. Điều này cho thấy khả năng và uy tín của PECC2 khi đàm phán và ký kết hợp đồng hợp tác với các đối tác.
- Khả năng sinh lời:
 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần của Công ty từ năm 2006-Quý I/2009 đạt khoảng 4,3% - 4,68%.
 Mức tỷ suất sinh lời ROE và ROA có xu hướng tăng khá tốt trong giai đoạn 2006-2008, bình quân khoảng 20% và 6%.

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng:**12.1 Danh sách về HĐQT:****Ông Trương Khắc Len: Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên	Trương Khắc Len
Giới tính	Nam
Quê quán	Hải Dương
Ngày tháng năm sinh	08/7/1952
Địa chỉ thường trú	87/2A Nguyễn Đình Chính, P.15, Q.Phú Nhuận, TP HCM
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Trắc địa công trình (Đại học Matxcova Liên Xô cũ)
Số cổ phần nắm giữ	913.196 cổ phần, trong đó: - Đại diện sở hữu vốn nhà nước: 910.196 cổ phiếu - Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần

Quá trình công tác:

❖ 9/1975 đến 9/1981	Đội phó Đội Địa hình Đoàn khảo sát địa chất Sông Đà – Hòa Bình
❖ 10/1981 đến 02/1983	Đội trưởng Đội địa hình XN Khảo sát công trình 2 – Tp.HCM
❖ 3/1983 đến 8/1984	Phó phòng kế hoạch – kỹ thuật XN khảo sát công trình 2 – Tp.HCM
❖ 9/1984 đến 6/1985	Học quản lý kinh tế tại Leningrad – Liên Xô cũ
❖ 8/1985 đến 6/1987	Phó phòng địa chất – địa hình công ty KSTK Điện 2
❖ 7/1987 đến 5/1994	Phó đoàn KSTHMN – Công ty KSTK Điện 2
❖ 6/1994 đến 10/2007	Phó Giám đốc Công ty KSTK Điện 2 (PECC2)
❖ 11/2007 đến 05/2009	- Tổng giám đốc PECC2, Ủy viên HĐQT PECC2
❖ Tháng 05/2009 đến nay	- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

Số cổ phần của những người có liên quan đến ngày 16/01/2008

- Phan Thị Chanh (vợ): 3.200 cổ phiếu,
- Trương Minh Tuấn (con): 1.800 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Ông Nguyễn Tài Anh: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Tài Anh
Giới tính	Nam
Quê quán	Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	03/10/1966
Địa chỉ thường trú	781/A22 Lê Hồng Phong – Phường 12 Quận 10 T.P. Hồ Chí Minh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Nhà máy nhiệt điện và điện nguyên tử - ĐH Bách khoa Kiev (Liên xô cũ).
Số cổ phần nắm giữ	692.947 cổ phần, trong đó:

- Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 682.647 cổ phiếu
- Sở hữu cá nhân : 10.300 cổ phần

Quá trình công tác:

- ❖ Từ tháng 9/1990 -T12/2003 Kỹ sư – Phó Trưởng phòng TK Nhiệt điện – Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2.
- ❖ Tháng 1/2004 – T10/2007 Trưởng phòng TK Nhiệt điện - Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2
- ❖ Tháng 11/2007 – T04/2009 Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2.
- ❖ Tháng 5/2009 đến nay Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2.

Số cổ phần của những người có liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Ông Lương Văn Đài: Ủy viên HĐQT

Họ và Tên	Lương Văn Đài
Giới tính	Nam
Quê quán	Hoàng Hóa – Thanh Hóa
Ngày tháng năm sinh	29/11/1952
Địa chỉ thường trú	16 ngách 176/10 ngõ 176 phố Lê Trọng Tấn, P.Khuong Mai, Thanh Xuân, Hà Nội
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Thủy công thủy điện
Số cổ phần nắm giữ	682.647 cổ phần, trong đó: - Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 682.647 cổ phiếu - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

Quá trình công tác:

❖ Năm 1975	Tốt nghiệp đại học tại Hunggari
❖ 1975 – 1976	Thực tập ở Viện thiết kế thủy điện tại Hunggari
❖ 1976 – 1979	Làm việc ở Đoàn thiết kế công trình thủy điện Hòa Bình – BQL công trình Sông Đà – Tổ trưởng tổ thiết kế
❖ 1979 – 1981	Làm việc ở Trung tâm nghiên cứu và thiết kế thủy điện (Bộ Điện lực)
❖ 1982 – 1998	Làm việc ở Viện Thiết kế điện – Công ty KSTK Điện 1 – Phó Giám đốc Công ty
❖ 1998 – nay	Trưởng Ban Thẩm định Tập đoàn Điện lực Việt Nam (nay là Ban Quản lý Đầu tư EVN)
❖ 11/2007 đến nay	Ủy viên HĐQT PECC2
Số cổ phần của những người có liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Ông Phạm Văn Thảo: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Phạm Văn Thảo
Giới tính	Nam
Quê quán	Nam Định
Ngày tháng năm sinh	16/02/1955
Địa chỉ thường trú	254/32 CMT8, Phường 5, Q. Tân Bình, TP. HCM
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư hệ thống điện
Số cổ phần nắm giữ	2.700 cổ phần, trong đó: - Đại diện sở hữu vốn nhà nước: 0 cổ phiếu - Sở hữu cá nhân: 2.700 cổ phần

Quá trình công tác:

- ❖ 12/1978 đến 7/1992 Trưởng phòng – Phân viện KT Điện Nha Trang
- ❖ 8/1992 đến 7/2000 Trưởng phòng TK Đường dây – Cty TVXD Điện 2
- ❖ 7/2000 đến 10/2007 Phó Giám đốc Công ty CP TVXD Điện 2 (PECC2)
- ❖ 11/2007 đến nay Phó Tổng giám đốc PECC2
- ❖ 11/2007 đến nay Ủy viên HĐQT PECC2

Số cổ phần của những người có liên quan 16/01/2008 Võ Thị Kim Loan (vợ): 7.400 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Ông Nguyễn Trọng Nam: Ủy Viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Trọng Nam
Giới tính	Nam
Quê quán	Thừa Thiên Huế
Ngày tháng năm sinh	08/11/1965
Địa chỉ thường trú	86/25 Trương Quyền, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện – Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ	1.500 cổ phần, trong đó: - Đại diện sở hữu vốn nhà nước: 0 cổ phiếu - Sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phần

Quá trình công tác:

- ❖ 01/1990 đến 08/2000 Phó phòng TK Đường dây – Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2
- ❖ 09/2000 đến 11/2008 Trưởng phòng TK Đường dây Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2
- ❖ 12/2008 đến nay Phó Tổng giám đốc PECC2
- ❖ 11/2007 đến nay Ủy viên HĐQT PECC2

Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

12.2 Danh sách về Ban kiểm soát:**Ông Nguyễn Quốc Long: Trưởng Ban Kiểm Soát**

Họ và Tên	Nguyễn Quốc Long
Giới tính	Nam
Quê quán	Vĩnh Long
Ngày tháng năm sinh	18/10/1963
Địa chỉ thường trú	28/13 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ	3.800 cổ phần, trong đó: - Đại diện sở hữu vốn nhà nước: 0 cổ phiếu - Sở hữu cá nhân: 3.800 cổ phần

Quá trình công tác:

❖ 10/1981 đến 6/1987	Nhân viên Xí nghiệp khảo sát TH Miền Nam
❖ 7/1987 đến 12/2002	Chuyên viên phòng Kế hoạch - Vật tư PECC2
❖ 01/2003 đến nay	Phó phòng Kế hoạch - Vật tư PECC2
❖ 11/2007 đến nay	Trưởng ban kiểm soát PECC2
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Bà Trần Thị Hòa: Thành Viên Ban Kiểm Soát

Họ và Tên	Trần Thị Hòa
Giới tính	Nữ
Quê quán	Xuân Thiện – Kim Sơn – Ninh Bình
Ngày tháng năm sinh	22/08/1957
Địa chỉ thường trú	673 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5, Tp.Hồ Chí Minh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ	15.000 cổ phần, trong đó: - Đại diện sở hữu vốn nhà nước: 0 cổ phiếu - Sở hữu cá nhân: 15.000 cổ phần

Quá trình công tác:

❖ 2/1978 đến 2/1997	Cán bộ tín dụng, Phó phòng Tín dụng Ngân hàng Đầu tư và phát triển Thuận Hải (Bình Thuận)
❖ 3/1997 đến 6/2000	Trưởng Quỹ tiết kiệm Sở giao dịch II NHĐT&PTVN
❖ 7/2000 đến nay	Giám đốc phòng giao dịch 2 – Sở giao dịch II - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
❖ 11/2007 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát PECC2
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

Bà Hoàng Thụy Hoài Yên: Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Hoàng Thụy Hoài Yên
Giới tính	Nữ
Quê quán	Thái Bình
Ngày tháng năm sinh	30/07/1980
Địa chỉ thường trú	568/7/39, Lê Đức Thọ, Phường 15, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ	2.200 cổ phần, trong đó: - Đại diện sở hữu vốn nhà nước: 0 cổ phiếu - Sở hữu cá nhân: 2.200 cổ phần

Quá trình công tác:

- ❖ 8/2002 đến 10/2002 Kế toán Công ty TNHH Thái Bình Shoes
- ❖ 11/2002 đến 10/2003 Kế toán Công ty Dược phẩm Shinpoong Daewoo
- ❖ 11/2003 đến nay Nhân viên của PECC2
- ❖ 11/2007 đến nay Thành viên Ban kiểm soát PECC2

Số cổ phần của những người có liên quan Không

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty Không

12.3 Ban Tổng giám đốc:**Ông Nguyễn Tài Anh: Tổng giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT (đã trình bày ở trên)****Ông Phạm Văn Thảo: Phó Tổng giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT (đã trình bày ở trên)****Ông Nguyễn Trọng Nam: Phó Tổng giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT (đã trình bày ở trên)****Ông Nguyễn Mạnh Hùng: Phó Tổng giám đốc**

Họ và tên	Nguyễn Mạnh Hùng
Giới tính	Nam
Quê quán	Thừa Thiên Huế
Ngày tháng năm sinh	16/03/1963
Địa chỉ thường trú	220/97E Hoàng Hoa Thám, Phường 5, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện, Thạc sỹ kỹ thuật – Đại học Tây Tiệp – CH Séc
Số cổ phần nắm giữ	13.200 cổ phần, trong đó: - Đại diện sở hữu vốn nhà nước: 0 cổ phiếu - Sở hữu cá nhân: 13.200 cổ phần

Quá trình công tác:

❖ 6/1988 đến 12/1994	Kỹ sư thiết kế, Đoàn Thiết kế thủy điện Hàm Thuận
❖ 01/1995 đến 09/2001	Phó phòng Thiết kế Cơ điện PECC2
❖ 10/2001 đến 10/2007	Trưởng phòng Thiết kế Cơ điện PECC2
❖ 11/2007 đến nay	Phó Tổng giám đốc PECC2
Số cổ phần của những người có liên quan đến ngày 16/01/2008	Nguyễn Thị Hồng Loan (vợ): 1.300 cổ phiếu
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

12.4 Kế toán trưởng:**Bà Hoàng Quý Phi: Kế toán trưởng**

Họ và Tên	Hoàng Quý Phi
Giới tính	Nữ
Quê quán	Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	03/08/1954
Địa chỉ thường trú	8 Phạm Đôn, Phường 10, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ	2.800 cổ phần, trong đó: - Đại diện sở hữu vốn nhà nước: 0 cổ phiếu - Sở hữu cá nhân: 2.800 cổ phần

Quá trình công tác:

❖ 01/1977 đến 11/1980	Chuyên viên Bộ Tài Chính
❖ 12/1980 đến 01/1986	Chuyên viên Bộ Điện và Than
❖ 02/1986 đến 8/1987	Chuyên viên phòng tài chính kế toán Công ty Khảo sát thiết kế Điện 2 (nay là PECC2)
❖ 9/1987 đến 12/1989	Phó phòng tài chính kế toán Công ty Khảo sát thiết kế Điện 2 (nay là PECC2)
❖ 01/1990 đến nay	Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán PECC2
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không

13. Tài sản:

13.1 Bảng kê TSCĐ hữu hình từ năm 2008 đến 31/03/2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Khác	Tổng cộng
31/12/2008						
Nguyên giá	12.056	28.442	13.815	3.786	215	58.314
Hao mòn lũy kế	7.310	19.748	13.108	2.837	153	43.156
Giá trị còn lại	4.746	8.694	707	949	62	15.158
31/03/2009						
Nguyên giá	12.056	29.481	13.815	3.966	215	59.533
Hao mòn lũy kế	7.494	20.368	13.205	2.933	157	44.157
Giá trị còn lại	4.562	9.113	610	1.033	58	15.376

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2006, 2007, 2008 của PECC2

13.2 Bảng kê TSCĐ vô hình 31/12/2008 và thời điểm 31/03/2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
31/12/2008				
Nguyên giá	1.993	2.760	11.383	16.136
Hao mòn lũy kế		1.609	6.830	8.439
Giá trị còn lại	1.993	1.151	4.553	7.697
31/03/2009				
Nguyên giá	1.993	2.760	11.383	16.136
Hao mòn lũy kế		1.709	7.114	8.824
Giá trị còn lại	1.993	1.050	4.269	7.312

13.3 Tình hình đất đai đang sử dụng

Stt	Danh mục đất đai	Diện tích	Tình trạng đất
1	131 Hòa Hưng, Quận 10, Tp.HCM	419,16 m ²	Giấy phép công nhận quyền sở hữu nhà do Sở nhà đất TP. HCM cấp: 538/ GP-CS ngày 14/03/1994
2	32 Ngô Thời Nhiệm- Quận 3	1.918,93m ²	Hợp đồng thuê nhà 106/ HĐTN- KD ngày 19/05/2008 giữa Công ty Quản Lý Kinh doanh Nhà TP và Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2, thời hạn thuê 01 năm
3	45 Dân Chủ- Bình Thọ- Quận Thủ Đức	1.330,40 m ²	QĐ 4588/ QĐ ngày 29/10/2008 của UBND TP về công nhận quyền sử dụng đất của Công ty. Thời gian thuê 50 năm kể từ ngày ký
4	50A Dân Chủ- Bình Thọ- Quận Thủ Đức	2.411,3 m ²	QĐ 4588/ QĐ ngày 29/10/2008 của UBND TP về công nhận quyền sử dụng đất của Công ty. Thời gian thuê 50 năm kể từ ngày ký
5	45 đường số 2- Trường Thọ- Quận Thủ Đức	8.538,6 m ²	QĐ 4588/ QĐ ngày 29/10/2008 của UBND TP về công nhận quyền sử dụng đất của Công ty. Thời gian thuê 50 năm kể từ ngày ký

Nguồn: PECC2

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty từ năm 2009 - 2011:

14.1 Mục tiêu kinh doanh:

Nhằm định hướng cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2009-2011, PECC2 đã đề ra một số mục tiêu, biện pháp cụ thể như sau:

- Các hoạt động quan hệ công chúng:
 - + Đối với khách hàng, với cam kết “Luôn đồng hành cùng thành công của dự án”, Công ty lấy việc thoả mãn mọi yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về tiến độ và chất lượng của dịch vụ mà mình cung cấp làm mục tiêu quan trọng hàng đầu, coi sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng chính là thành công của công ty.
 - + Với các đối tác tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ hợp tác, bình đẳng trên nguyên tắc tôn trọng, cạnh tranh lành mạnh vì lợi ích của cộng đồng, khách hàng và công ty.
- Nghiên cứu và phát triển thị trường:
 - + Nghiên cứu đối thủ cạnh tranh kết hợp đồng thời với việc nghiên cứu, sáng tạo và phát triển các sản phẩm mới.
 - + Tham dự các buổi hội thảo được tổ chức bởi các đơn vị trong và ngoài nước nhằm cập nhật thông tin và xây dựng mạng lưới liên kết các doanh nghiệp trong ngành.

- + Nghiên cứu các cơ hội để phát triển trong lĩnh vực bất động sản, liên doanh liên kết với các đơn vị ngoài công ty khai thác các khu đất của công ty một cách có hiệu quả.
- Chiến lược khách hàng: tập trung vào các yếu tố:
 - + Tìm kiếm, duy trì và phát triển mạng lưới khách hàng, tạo dựng niềm tin và sự ủng hộ của khách hàng để xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững; xác định và tiếp cận nhóm khách hàng mục tiêu;
 - + Mở rộng quan hệ tốt với các đối tác trong nước và nước ngoài nhằm tìm kiếm thêm nhiều dự án, tổ chức các chuyến công tác ra thị trường nước ngoài như các nước láng giềng đang có nhu cầu phát triển năng lượng cao như Lào, Campuchia, các nước châu Phi, Mỹ La tinh, vv... Bên cạnh đó đảm bảo ổn định, lâu dài và hiệu quả sự hợp tác trước đây.
 - + Xây dựng chiến lược để giữ vững thế mạnh về tư vấn thủy điện, lưới điện và phân đấu trong 10 năm tới, trở thành một Công ty tư vấn hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn nhiệt điện, thực hiện công tác thiết kế lập bản vẽ thi công các dự án nhiệt điện.
 - + Xây dựng lực lượng và tham gia vào lĩnh vực tư vấn Điện nguyên tử và năng lượng tái tạo.
- Chiến lược giá thành và giá bán:

Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm chi phí, tổ chức hợp lý công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động, áp dụng các tiến bộ mới về khoa học công nghệ trong sản xuất nhằm giảm giá thành. Bên cạnh đó, PECC2 cũng xây dựng một chính sách phí, giá bán khác biệt dựa trên ưu thế là uy tín của Công ty và chất lượng của sản phẩm dịch vụ để có thể cạnh tranh trên thị trường.

14.2 Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu giai đoạn 2009 – 2011:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010		Năm 2011	
	Giá trị	Giá trị	% tăng (giảm) 2010-2009	Giá trị	% tăng (giảm) 2011-2010
Doanh thu thuần	272.915	274.930	0,74%	277.300	0,86%
Lợi nhuận sau thuế	14.280	14.423	1%	14.567	1%
Vốn chủ sở hữu	66.929	66.929	0%	66.929	0%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /doanh thu thuần (%)	5,23%	5,25%	0,26%	5,25%	0,14%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	21,34%	21,55%	1%	21,76%	1%
Cổ tức (đồng/cổ phiếu)	1.800	1.800	0,00%	1.800	0,00%

Nguồn: PECC2

14.3 Căn cứ để đạt được kế hoạch nói trên:

Việc Công ty đưa ra các chỉ tiêu tài chính trong giai đoạn 2009 – 2011 như trên có tính tới những yếu tố sau đây.

a) Dự báo về phát triển kinh tế Việt Nam:

Mặc dù tăng trưởng GDP đề ra của Chính phủ trong năm 2009 là 5,5%, tuy nhiên theo dự báo của nhiều chuyên gia, kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam sẽ bắt đầu những bước hồi phục trong khoảng quý III, quý IV năm 2009. Theo Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản (IDE), các lĩnh vực sản xuất công nghiệp và dịch vụ phát triển mạnh mẽ được kỳ vọng sẽ dẫn hướng nền kinh tế Việt Nam phát triển với tốc độ cao hơn sau khi Chính phủ áp dụng các biện pháp kích cầu hiệu quả và phù hợp.

b) Dự báo về phát triển của ngành điện và cơ hội cho PECC2:

Theo phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực Việt Nam giai đoạn 2006 – 2015 có xét triển vọng đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, nhu cầu đầu tư xây dựng hệ thống nguồn và lưới điện để đảm bảo cung cấp đầy đủ cho các ngành kinh tế - xã hội và an ninh năng lượng lâu dài của đất nước còn rất nhiều tiềm năng. Để đáp ứng nhu cầu về điện năng phục vụ cho hoạt động kinh tế xã hội của đất nước ngày càng tăng, bên cạnh các nhà máy điện chạy than đã và đang được xây dựng tại các tỉnh phía Bắc, Nhà nước và Bộ Công thương chủ trương xây dựng một số nhà máy chạy than ở miền Trung và miền Nam. Tập đoàn Điện lực Việt

Nam (EVN) cho biết năm 2009, EVN tập trung đầu tư gần 50.000 tỷ đồng cho các dự án điện, trong đó đầu tư thuần là hơn 42.450 tỷ đồng, góp vốn vào các công ty cổ phần đầu tư phát triển nguồn điện gần 1.040 tỷ đồng. Với số vốn này, EVN phân đầu đưa vào vận hành 9 công trình nguồn điện, với tổng công suất 2.696 MW (Plêikrông, Sê San 4, Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Sông Ba Hạ, Bản Vẽ; và các dự án nhiệt điện Quảng Ninh 1, Hải Phòng 1, Ô Môn 1). Mặt khác với chủ trương xã hội hóa công tác đầu tư phát triển nguồn điện, ngoài Tập đoàn điện lực Việt Nam là đơn vị chủ lực, còn có nhiều Tập đoàn và nhà đầu tư trong và ngoài nước cũng rất quan tâm đến việc đầu tư, xây dựng các công trình nguồn điện. Đây là yếu tố thuận lợi mở ra nhiều cơ hội hợp tác và kinh doanh cho Công ty.

c) Năng lực hoạt động kinh doanh của PECC2:

Trong giai đoạn 2006-2008, PECC2 đã đạt được những kết quả kinh doanh khả quan, tham gia vào nhiều dự án lớn và được đánh giá là một trong bốn Công ty Tư vấn Xây dựng Điện hàng đầu Việt Nam. Năm 2009, mặc dù lĩnh vực kinh doanh chính của PECC2 là tư vấn đầu tư xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện ít chịu nhiều ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, tuy nhiên PECC2 vẫn cố gắng huy động tối đa sức mạnh nội lực để vượt qua khó khăn chung và hoàn thành các chỉ tiêu tài chính trong giai đoạn 2009-2011.

Hiện nay, PECC2 đang triển khai thực hiện cũng như đã ký kết được rất nhiều hợp đồng tư vấn điện, hợp đồng khoan phụt và hợp đồng sản phẩm cơ khí (trình bày tại phần IV. 6.8). Các hợp đồng tiêu biểu có giá trị lớn bao gồm: khảo sát, lập RAP, EIA, thiết kế kỹ thuật-tổng dự toán, bản vẽ thi công và giám sát tác giả đường dây 500kV Sơn La - Hiệp Hòa (giá trị hợp đồng 41 tỷ), khảo sát, thí nghiệm giai đoạn thiết kế kỹ thuật bước 2 Thủy điện Đồng Nai 3 (giá trị hợp đồng 39,7 tỷ), khảo sát kỹ thuật, thiết kế và lập hồ sơ mời thầu đường dây 500kV Đà Nẵng Hà Tĩnh (giá trị hợp đồng 29,9 tỷ), khảo sát phục vụ lập thiết kế kỹ thuật, lập thiết kế kỹ thuật-tổng dự toán, thiết kế bản vẽ thi công đường dây 500kV Vĩnh Tân - Sông mây (giá trị hợp đồng 29,8 tỷ),... Khi biết tận dụng tối đa sức mạnh sẵn có và các cơ hội của thị trường, PECC2 sẽ đạt được các kế hoạch, mục tiêu đề ra.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Với vai trò của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của PECC2 để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai của PECC2, VIS nhận thấy kế hoạch lợi nhuận của công ty đưa ra cho những năm tới là phù hợp với kết quả đã đạt được trong quá khứ và cũng phù hợp với tình hình phát triển của ngành tư vấn điện nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết:

- Không có

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng:

- Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT:**1. Loại chứng khoán:**

Loại cổ phiếu niêm yết: cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá:

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số chứng khoán niêm yết:

Tổng số chứng khoán niêm yết: 4.439.000 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:

- Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập: Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (29/10/2007), cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Hạn chế chuyển nhượng này sẽ hết hiệu lực sau ngày 29/10/2010. Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập của PECC2 là **2.279.690** cổ phần (đã bao gồm 02 cổ đông vừa là Cổ đông sáng lập vừa là thành viên HĐQT: Ông Phạm Văn Thảo và Ông Nguyễn Trọng Nam) được nêu tại mục IV.4.2 Bản cáo bạch này.
- Số lượng cổ phiếu do các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 14/2007/NĐ-CP. Theo đó, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng đối với các thành viên này kể từ ngày niêm yết là **50.300** cổ phần (không bao gồm số cổ phần của 02 cổ đông vừa là cổ đông sáng lập vừa là thành viên HĐQT: Ông Phạm Văn Thảo và Ông Nguyễn Trọng Nam)

Tổng hợp số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng

Đơn vị tính: cổ phiếu

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong 03 năm		Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong 01 năm	
			Sở hữu cá nhân	Đại diện sở hữu Nhà nước	trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	trong 6 tháng tiếp theo
I CỘ ĐÔNG SÁNG LẬP						
1	Tập đoàn điện lực Việt Nam	Cổ đông sáng lập		2.275.490		
	<i>Trương Khắc Len</i>			<i>910.196</i>		
	<i>Lương Văn Đài</i>			<i>682.647</i>		
	<i>Nguyễn Tài Anh</i>			<i>682.647</i>		
2	Phạm Văn Thảo	Cổ đông sáng lập	2.700			
3	Nguyễn Trọng Nam	Cổ đông sáng lập	1.500			
II TVHDQT& BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG						
1	Trương Khắc Len	Chủ tịch HĐQT			3.000	1.500
2	Nguyễn Tài Anh	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc			10.300	5.150
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng giám đốc			13.200	6.600
4	Nguyễn Quốc Long	Trưởng BKS			3.800	1.900
5	Hoàng Thụy Hoài Yến	Thành viên BKS			2.200	1.100
6	Trần Thị Hòa	Thành viên BKS			15.000	7.500
7	Hoàng Quý Phi	Kế toán trưởng			2.800	1.400
TỔNG			4.200	2.275.490	50.300	25.150

Nguồn: PECC2

5. Phương pháp tính giá:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	31/03/2009
Vốn chủ sở hữu	59.497.441.231	66.829.497.048	67.184.660.957
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.461.686.556	253.650.088	-30.838.912
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	4.439.000	4.439.000	4.439.000
Giá trị sổ sách	13.074	14.998	15.142

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Sau khi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo các quy định hiện hành của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Căn cứ theo Quyết định số: 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, các tổ chức, cá nhân nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

7. Các loại thuế có liên quan:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Từ khi thành lập đến thời điểm 31/12/2007, Công ty thực hiện đóng thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28%/năm. Từ 01/01/2009 Công ty đóng thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%/năm.
- Thuế giá trị gia tăng: Công ty tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT:**1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:****CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN & TƯ VẤN UHY**

Trụ sở: Tầng 5 – 6, số 136 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam .

Điện thoại: (84 – 4) 755 7446 Fax: (84 –4) 755 7448

Website: <http://www.uhyvietnam.com.vn>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN:**❖ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Lầu 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3944 5888 Fax: (84-4) 3944 5999

❖ CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Số 09 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3915 2930 Fax: (84-8) 39152932

VII. PHỤ LỤC:

1. Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II : Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục III : Biên bản xác định giá trị tài sản khi cổ phần hóa
4. Phụ lục IV : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006, 2007, 2008 và Quý 1/2009
5. Phụ lục V : Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 thông qua việc niêm yết cổ phiếu
6. Phụ lục VI : Quy trình nội bộ về công bố thông tin
7. Phụ lục VII : Quy chế quản trị Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2

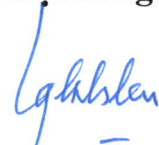
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2009

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tài Anh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



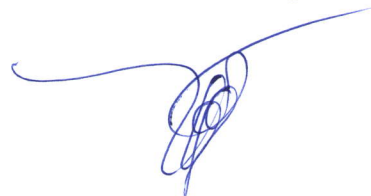
Trương Khắc Len

Trưởng Ban kiểm soát



Nguyễn Quốc Long

Kế toán trưởng



Hoàng Quý Phi

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam



Phạm Linh